QUỸ ĐẦU TƯ
CỔ PHIẾU CỔ TỨC TĂNG TRƯỞNG KIM
KIM GROWTH DIVIDEND EQUITY FUND
Số/*No.*: 260423/KDEF-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
Digitally signed by CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
Date: 2026.04.23 09:51:39 +07'00'

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2026
Ho Chi Minh City, April 23, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/*To*: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/*The State Securities Commission*

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam

   Name of the fund management Company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd

- Tên quỹ/*Name of fund*: **Quỹ đầu tư Cổ phiếu Cổ tức Tăng trưởng KIM/ *KIM Growth Dividend Equity Fund***
- Mã Quỹ/*Fund code:* **KDEF**
- Địa chỉ trụ sở chính: Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 39, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

  Head office address: Unit No. 6.02, 6F, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 39, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

- Điện thoại/*Phone number*: (028) 3824 2220 Fax: (028) 3824 2225
- Email: oef@koreainvestment.com.vn Website: https://koreainvestment.com.vn/

2. Nội dung thông tin công bố/*Content of information disclosure*:

   Toàn văn Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Quỹ đầu tư Cổ phiếu Cổ tức Tăng trưởng KIM sửa đổi, bổ sung lần thứ hai có hiệu lực kể từ ngày 22/4/2026 đính kèm.

   The full text of the Charter on the Organization and Operation of KIM Growth Dividend Equity Fund (2nd Amendment) shall take effect as of 22 April 2026, as attached.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ vào ngày 23/4/2026 tại đường dẫn: https://koreainvestment.com.vn/vn/home/

   This information was disclosed on Fund Management Company's website on April 23, 2026 available at: https://koreainvestment.com.vn/en/home/

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare hereof all information provided in this paper is true and correct; I shall be legally responsible for any mispresentation.

Đại diện công bố thông tin
Information Disclosure Representative

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

HYUN DONGSIK
Chủ tịch Hội đồng thành viên
Chairman of the Members' Council

truefriend KIM Viet Nam Fund Management

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU CỔ TỨC TĂNG TRƯỞNG KIM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2016

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ 4

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA 5

III. ĐIỀU LỆ QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU CỔ TỨC TĂNG TRƯỞNG KIM 8

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG 8

Điều 1. Tên Quỹ Và Địa Chỉ Liên Hệ 8
Điều 2. Ngày Thành Lập Quỹ, Thời Hạn Hoạt Động Của Quỹ 8
Điều 3. Nguyên Tắc Tổ Chức Của Quỹ 8
Điều 4. Tổng Vốn Huy Động Và Số Lượng Chứng Chỉ Quỹ Chào Bán 8
Điều 5. Chỉ Định Đại Diện Huy Động Vốn Và Chào Bán Chứng Chỉ Quỹ 9
Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ 9
Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát 9

CHƯƠNG 2. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ 9

Điều 8. Mục Tiêu Đầu Tư 9
Điều 9. Chiến Lược Đầu Tư 9
Điều 10. Hạn Chế Đầu Tư 11
Điều 11. Hoạt Động Vay, Cho Vay, Giao Dịch Mua Bán Lại, Giao Dịch Ký Quỹ, Bán Khống 13
Điều 12. Phương Pháp Lựa Chọn Đầu Tư 13

CHƯƠNG 3. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 13

Điều 13. Nhà Đầu Tư 13
Điều 14. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Nhà Đầu Tư 14
Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư 15
Điều 16. Quy Định Chung Về Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ 15
Điều 17. Lệnh Mua, Lệnh Bán 16
Điều 18. Thực Hiện Một Phần Lệnh Giao Dịch, Tạm Ngừng Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ 18
Điều 19. Giá Phát Hành Lần Đầu, Giá Bán, Giá Mua Lại, Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại, Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi 19
Điều 20. Chuyển Nhượng Phi Thương Mại 20
Điều 21. Giải Pháp Cho Vấn Đề Thua Lỗ của Quỹ 20

CHƯƠNG 4. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 20

Điều 22. Đại Hội Nhà Đầu Tư 20
Điều 23. Điều Kiện, Thể Thức Tiến Hành Họp, Thông Qua Quyết Định Đại Hội Nhà Đầu Tư 21
Điều 24. Phản Đối Quyết Định Của Đại Hội Nhà Đầu Tư 25

CHƯƠNG 5. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 25

Điều 25. Ban Đại Diện Quỹ 25
Điều 26. Nhiệm Kỳ, Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ 26
Điều 27. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Ban Đại Diện Quỹ và thành viên Ban Đại Diện Quỹ 26
Điều 28. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ 27
Điều 29. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ 27
Điều 30. Bổ Nhiệm, Miễn Nhiệm, Bãi Nhiệm Và Bổ Sung Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ 27
Điều 31. Thủ Tục Điều Hành Của Ban Đại Diện Quỹ 28
Điều 32. Cuộc Họp Ban Đại Diện Quỹ 28
Điều 33. Biên Bản Họp, Nghị quyết Ban Đại Diện Quỹ 28

CHƯƠNG 6. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 28

Điều 34. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Công Ty Quản Lý Quỹ 28
Điều 35. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Công Ty Quản Lý Quỹ 28
Điều 36. Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Quỹ Của Công Ty Quản Lý Quỹ 32
Điều 37. Hạn Chế Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ 33

CHƯƠNG 7. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 33

Điều 38. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Ngân Hàng Giám Sát 33
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát 34

Điều 40. Hoạt Động Giám Sát Của Ngân Hàng Giám Sát 34
Điều 41. Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Quỹ Của Ngân Hàng Giám Sát 36

CHƯƠNG 8. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN 36

Điều 42. Các Hoạt Động Được Ủy Quyền 36
Điều 43. Tiêu Chí Lựa Chọn Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan 36
Điều 44. Trách Nhiệm Của Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan 37
Điều 45. Trách Nhiệm Của Công Ty Quản Lý Quỹ Đối Với Hoạt Động Đã Ủy Quyền 37
Điều 46. Chấm Dứt Hoạt Động Ủy Quyền 38

CHƯƠNG 9. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI 38

Điều 47. Quy Định Về Lựa Chọn Đại Lý Phân Phối 38
Điều 48. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối, Đại Lý Ký Danh 39
Điều 49. Quy Định Chung Về Nghiệp Vụ Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ 41

CHƯƠNG 10. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 42

Điều 50. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Và Thay Đổi Công Ty Kiểm Toán 42
Điều 51. Năm Tài Chính 42
Điều 52. Chế Độ Kế Toán Và Báo Cáo 42

CHƯƠNG 11. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG 43

Điều 53. Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng 43
Điều 54. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá 43
Điều 55. Quy trình xác định Giá Trị Tài Sản Ròng 43
Điều 56. Nguyên tắc, Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng 44
Điều 57. Đền Bù Thiệt Hại Cho Nhà Đầu Tư, Quỹ 49

CHƯƠNG 12. LỢI NHUẬN VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG 50

Điều 58. Thu Nhập Của Quỹ, Phân Phối Lợi Nhuận 50
Điều 59. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ 51
Điều 60. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát 51
Điều 61. Các Loại Giá Dịch Vụ, Chi Phí Hạch Toán Vào Quỹ 52

CHƯƠNG 13. TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ 53

Điều 62. Hợp Nhất, Sáp Nhập Quỹ 53
Điều 63. Chia, tách Quỹ 54
Điều 64. Giải Thể Quỹ 54

CHƯƠNG 14. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH 56

Điều 65. Kiểm Soát Xung Đột Lợi Ích Giữa Quỹ Và Các Quỹ Khác, Các Khách Hàng Ủy Thác Đầu Tư Của Công Ty Quản Lý Quỹ Và Giữa Quỹ Và Công Ty Quản Lý Quỹ 56

CHƯƠNG 15. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ 57

Điều 66. Công Bố Thông Tin, Cung Cấp Thông Tin Cho Nhà Đầu Tư 57
Điều 67. Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ 57
Điều 68. Đăng Ký Điều Lệ Quỹ 57
Điều 69. Điều Khoản Thi Hành 57

PHỤ LỤC 1. CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 59

PHỤ LỤC 2. CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 61

PHỤ LỤC 3. CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 62

PHỤ LỤC 4. MỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM ĐỐI VỚI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ HOẶC TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ 63

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ đầu tư Cổ phiếu Cổ tức Tăng trưởng KIM và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 và Luật số 89/2025/QH15);
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15) ("**Luật Chứng khoán**");
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP);
4. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2021/NĐ-CP);
5. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC) ("**Thông tư 98/2020/TT-BTC**");
6. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 88/2025/TT-BTC) ("**Thông tư 99/2020/TT-BTC**");
7. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012;
8. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013;
9. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2025/TT-BTC);
10. Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 73/2020/TT-BTC);
11. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC, Thông tư số 18/2025/TT-BTC và Thông tư số 08/2026/TT-BTC);
12. Thông tư số 25/2022/TT-BTC ngày 28/4/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán;
13. Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân; và
14. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan (được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Những từ và cụm từ viết tắt dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt Điều Lệ này.

"Quỹ" hoặc **"Quỹ KDEF"**	Là Quỹ đầu tư Cổ phiếu Cổ tức Tăng trưởng KIM, một quỹ đại chúng dạng mở, thực hiện chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng và được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều Lệ Quỹ.
"Chứng Chỉ Quỹ KDEF" hoặc **"Chứng Chỉ Quỹ"**	Là chứng khoán do Công Ty Quản Lý Quỹ đại diện cho Quỹ KDEF phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với một phần vốn góp của Quỹ. Mệnh giá của 01 Chứng Chỉ Quỹ là 10.000 Đồng.
"Đơn Vị Quỹ"	Là Vốn Điều Lệ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau với mệnh giá của đợt phát hành lần đầu là 10.000 Đồng/Đơn Vị Quỹ. Mỗi Đơn Vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
"Vốn Điều Lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền huy động được trong đợt phát hành Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng.
"Tài Khoản Giao Dịch"	Là tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà thông qua đó, Nhà Đầu Tư mua, bán, sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ KDEF. Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở do Đại Lý Phân Phối phối hợp với Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng mở và quản lý. Tài khoản này có 02 loại: a) "**Tài Khoản Của Nhà Đầu Tư**" là tài khoản thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư và đứng tên Nhà Đầu Tư; b) "**Tài Khoản Ký Danh**" là tài khoản thuộc sở hữu của các Nhà Đầu Tư tại Sổ Phụ và đứng tên Đại Lý Ký Danh. Tài khoản này được chia thành các tiểu khoản tách biệt, độc lập, ứng với mỗi Nhà Đầu Tư tại Sổ Phụ.
"Ngày Định Giá"	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng.
"Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ" hoặc **"NAV"**	Được xác định bằng tổng giá trị tài sản của Quỹ trừ đi tổng nợ của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
"Lệnh Giao Dịch"	Bao gồm: (1) Lệnh Mua Chứng Chỉ Quỹ ("**Lệnh Mua**"), trong đó Nhà Đầu Tư yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ phát hành các Chứng Chỉ Quỹ; (ii) Lệnh Bán Chứng Chỉ Quỹ ("**Lệnh Bán**"), trong đó Nhà Đầu Tư yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ từ Nhà Đầu Tư; Lệnh Chuyển Đổi Quỹ, trong đó Nhà Đầu Tư yêu cầu thực hiện chuyển đổi Quỹ ("**Lệnh Chuyển Đổi**").
"Ngày Giao Dịch"	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng Chỉ Quỹ từ Nhà Đầu Tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ.
"Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận Lệnh Giao Dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch.
"Giá Phát Hành Lần Đầu Một Đơn Vị Quỹ" hoặc **"Giá Phát Hàng Lần Đầu"**	Là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ để mua 01 Đơn Vị Quỹ trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng cộng thêm Giá Dịch Vụ Phát Hành Lần Đầu.
"Giá Bán Một Đơn Vị Quỹ" hoặc "**Giá Bán**" hoặc **"Giá Phát Hành"**	Là mức giá mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ để mua 01 Đơn Vị Quỹ tại các Ngày Giao Dịch sau đợt chào bán lần đầu ra công chúng. Giá Bán bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên 01 Đơn Vị Quỹ tính tại Ngày Giao Dịch cộng thêm Giá Dịch Vụ Phát Hành.
"Giá Mua Lại Một Đơn Vị Quỹ" hoặc "**Giá Mua Lại**"	Là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư để mua lại 01 Đơn Vị Quỹ theo Lệnh Bán của Nhà Đầu Tư, được xác định bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên 01 Đơn Vị Quỹ tính tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ, trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại (nếu có).

"Giá Dịch Vụ Phát Hành"	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi mua các Chứng Chỉ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện Lệnh Mua Chứng Chỉ Quỹ. Giá dịch vụ này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của số lượng Chứng Chỉ Quỹ đặt mua.
"Giá Dịch Vụ Mua Lại"	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện Lệnh Bán Chứng Chỉ Quỹ. Giá dịch vụ này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của số lượng Chứng Chỉ Quỹ đặt bán.
"Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ.
"Công Ty Quản Lý Quỹ"	Là Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam (Thông tin chi tiết về Công Ty Quản Lý Quỹ được quy định tại Điều 6 của Điều Lệ Quỹ). Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam được Nhà Đầu Tư ủy thác quản lý Quỹ KDEF, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ; và được ủy quyền ký hợp đồng giám sát với Ngân Hàng Giám Sát.
"Ngân Hàng Giám Sát"	Là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên Shinhan Việt Nam (Thông tin chi tiết về Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Điều 7 của Điều Lệ Quỹ). Ngân Hàng Giám Sát cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản; lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Điều Lệ Quỹ và theo Hợp Đồng Giám Sát ký kết với Công Ty Quản Lý Quỹ.
"Công Ty Kiểm Toán"	Là Công Ty Kiểm Toán độc lập cho Quỹ, nằm trong danh sách công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận, thực hiện việc kiểm toán hằng năm tài sản của Quỹ. Công Ty Kiểm Toán được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định hằng năm theo Điều Lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.
"Đại Lý Phân Phối"	Là tổ chức đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ KDEF với Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc là Công Ty Quản Lý Quỹ.
"Nhà Đầu Tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ.
"Đại Hội Nhà Đầu Tư"	Là Đại hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường niên hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Đại Lý Ký Danh"	Là Đại Lý Phân Phối đứng tên Tài Khoản Ký Danh, thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu Tư tại Sổ Phụ.
"VSDC"	Là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
"UBCKNN"	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
"Sở Giao Dịch Chứng Khoán"	Là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con bao gồm Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("**HOSE**") và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("**HNX**").
"Người Có Liên Quan"	Theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán.
"Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan"	(hoặc gọi riêng là "**Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Quản Trị Quỹ**", "**Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng**") Là Ngân Hàng Giám Sát, VSDC được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cung cấp một hoặc một số hoạt động thuộc dịch vụ quản trị quỹ đầu tư, dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
"Dịch Vụ Quản Trị Quỹ"	Là dịch vụ quản trị quỹ đầu tư được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Quản Trị Quỹ thực hiện, bao gồm các hoạt động sau: 1. Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: Ghi nhận biên động phản

	ánh dòng tiền ra, vào của Quỹ; 2. Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ; 3. Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Trên Một Chứng Chỉ Quỹ theo quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ; 4. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ.
"Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng"	Là dịch vụ đại lý chuyển nhượng được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng thực hiện, bao gồm các hoạt động sau: 1. Lập và quản lý Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư, hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, Tài Khoản Ký Danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ; 2. Ghi nhận các Lệnh Mua, Lệnh Bán, Lệnh Chuyển Đổi của Nhà Đầu Tư; 3. Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan đến việc sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư; 4. Tổ chức các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ, Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ; duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác; 5. Cung cấp cho Nhà Đầu Tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động Quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác; và 6. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ.
"Điều Lệ Quỹ"	Bao gồm văn bản này, các phụ lục đính kèm và các sửa đổi, bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Bản Cáo Bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán, phát hành và niêm yết Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ.
"Hợp Đồng Giám Sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ.
"Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư"	Là sổ đăng ký nhà đầu tư chính (gọi tắt là "**Sổ Chính**"), là tài liệu dưới dạng tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về Nhà Đầu Tư sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ KDEF do Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng lập và quản lý.
"Sổ Phụ"	Là sổ đăng ký nhà đầu tư phụ, là sổ ghi nhận các thông tin về Nhà Đầu Tư sở hữu Chứng Chỉ Quỹ do Đại Lý Ký Danh lập và quản lý theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ.
"Năm Tài Chính"	Là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm Tài Chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ đầu ngày thành lập Quỹ đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
"VNĐ" hoặc "**Đồng Việt Nam"**	Là đồng tiền đang lưu hành hợp pháp tại Việt Nam.
"Ngày Làm Việc"	Là bất kỳ ngày nào không phải thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ lễ mà vào ngày đó các sàn giao dịch chứng khoán và các ngân hàng tại Việt Nam mở

cửa hoạt động kinh doanh bình thường.

"Bỏ phiếu điện tử" (e-voting)	Là hình thức giúp các Nhà Đầu Tư có thể thực hiện quyền bỏ phiếu của mình qua mạng internet, thông qua máy tính và các thiết bị di động.
"Các định nghĩa khác"	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng Khoán và các văn bản khác có liên quan.

III. ĐIỀU LỆ QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU CỔ TỨC TĂNG TRƯỞNG KIM

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên Quỹ Và Địa Chỉ Liên Hệ

Tên tiếng Việt	: **Quỹ đầu tư Cổ phiếu Cổ tức Tăng trưởng KIM**
Tên Tiếng Anh	: KIM Growth Dividend Equity Fund
Tên viết tắt	: KDEF
Hình thức của quỹ	: Quỹ mở
Địa chỉ liên hệ	: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 39, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	: (84-28) 3824 2220 Fax: (84-28) 3824 2225
Email	: oef@koreainvestment.com.vn
Website	: www.koreainvestment.com.vn

Điều 2. Ngày Thành Lập Quỹ, Thời Hạn Hoạt Động Của Quỹ

Ngày thành lập Quỹ đầu tư Cổ phiếu Cổ tức Tăng trưởng KIM là ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên Tắc Tổ Chức Của Quỹ

1. Quỹ đầu tư Cổ phiếu Cổ tức Tăng trưởng KIM là quỹ đại chúng dạng mở.
2. Quỹ hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng Khoán, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định trong Điều Lệ Quỹ.
3. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ là Đại Hội Nhà Đầu Tư.
4. Ban Đại Diện Quỹ sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
5. Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam do Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ.
6. Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý Quỹ, do Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.
7. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ KDEF có nghĩa vụ phải mua lại Chứng Chỉ Quỹ đã được phát hành cho Nhà Đầu Tư theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Tổng Vốn Huy Động Và Số Lượng Chứng Chỉ Quỹ Chào Bán

1. Tổng Vốn Điều Lệ của Quỹ KDEF do Nhà Đầu Tư thực góp tại đợt phát hành Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng. Nhà Đầu Tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ KDEF mở tại Ngân Hàng Giám Sát.
2. Vốn Điều Lệ huy động trong đợt phát hành Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng của Quỹ KDEF tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ, tương đương với 5.000.000 Chứng Chỉ Quỹ được chào bán. Vốn Điều Lệ được chia thành các Đơn Vị Quỹ. Mệnh giá của một Đơn Vị Quỹ là 10.000 VNĐ.
3. Quỹ KDEF không giới hạn số lượng Chứng Chỉ Quỹ được phép lưu hành tối đa. Việc thay đổi giá

trị tài sản huy động hoặc số lượng Chứng Chỉ Quỹ huy động tối đa phải do Đại hội Nhà Đầu tư quyết định và phải thông báo đến UBCKNN.

4. Trình tự, thủ tục, điều kiện đăng ký góp vốn thành lập Quỹ và thực hiện thanh toán được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Điều 5. Chỉ Định Đại Diện Huy Động Vốn Và Chào Bán Chứng Chỉ Quỹ

Quỹ KDEF chỉ định Công Ty Quản Lý Quỹ làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành Chứng Chỉ Quỹ. Đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ

Tên Công ty:	**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM**
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	59/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 01/10/2020 (và các giấy phép sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Mã số doanh nghiệp:	0305683167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/10/2020 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ trụ sở chính:	Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 39, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	(84-28) 3824 2220
Fax:	(84-28) 3824 2225

Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát

Tên Ngân hàng:	**NGÂN HÀNG TNHH MTV SHINHAN VIỆT NAM**
Tên giao dịch:	SHBVN
Giấy phép thành lập và hoạt động:	106/GP-NHNN do Thống Đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 17/12/2019 (và các bản cập nhật, sửa đổi vào từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký:	15/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/5/2017
Địa chỉ Trụ sở chính:	Tầng 1, 2, 3, 20, 21, 22, 23, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1- Số 15, Đường Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	(84-28) 3528 7900 Fax: (84-28) 3620 4400
Lĩnh vực hoạt động chính:	Huy động vốn, tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, và các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG 2. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục Tiêu Đầu Tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng Giá Trị Tài Sản Ròng trung và dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và thu nhập từ cổ tức thông qua việc đầu tư tập trung vào cổ phiếu có chi trả cổ tức bằng tiền mặt và tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận.

Điều 9. Chiến Lược Đầu Tư

1. Quỹ KDEF sẽ tập trung phân bổ danh mục vào cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch của các tổ chức phát hành trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán có sự tăng trưởng lợi nhuận ổn định và khả năng tạo ra tỷ suất cổ tức bền vững qua các năm.

2. Quỹ KDEF sẽ linh hoạt trong việc phân bổ tài sản đầu tư, tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau, dựa trên nhận định của Công ty Quản lý Quỹ. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư phải tuân thủ các hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo

Bạch và pháp luật hiện hành. Quỹ KDEF được phép đầu tư vào các lĩnh vực và ngành nghề mà pháp luật không cấm, phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ.

3. Các loại tài sản mà Quỹ KDEF được phép đầu tư bao gồm:

   a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;

   b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

   c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

   d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;

   e) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ Lục 4 của Điều Lệ Quỹ tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm Quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ Lục 4 của Điều Lệ Quỹ;

   f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại các Sở Giao Dịch Chứng Khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ KDEF đang nắm giữ;

   g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ KDEF đang nắm giữ;

   h) Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

5. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

   a) Có quy định tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch;

   b) Đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;

   c) Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

   d) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

   e) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là Người Có Liên Quan của tổ chức phát hành, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;

   f) Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng, được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tuân thủ quy trình.

Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.

6. Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.

7. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh quy định tại điểm f khoản 3 Điều này phải đảm bảo đáp ứng các quy định sau:

   a) Quỹ đang nắm giữ tối thiểu 50% số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh;

   b) Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh dùng để phòng ngừa rủi ro không vượt quá 50% tổng giá trị danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của Quỹ;

   c) Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng, được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định hệ số tương quan về rủi ro biến động giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của Quỹ với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh.

Điều 10. Hạn Chế Đầu Tư

1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo các hạn mức đầu tư sau:

   a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm a, b khoản 3 Điều 9 của Điều Lệ Quỹ;

   b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

   c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 của Điều Lệ Quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

   d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e, f và h khoản 3 Điều 9 của Điều Lệ Quỹ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại tiết i điểm c khoản 3 Điều 56 của Điều Lệ Quỹ; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền;

   e) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 của Điều Lệ Quỹ, trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 của Điều Lệ Quỹ hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 của Điều Lệ Quỹ và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 của Điều Lệ Quỹ hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;

   f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e, g và h khoản 3 Điều 9 của Điều Lệ

Quỹ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;

g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ;

h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của chính Quỹ;

i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:

(i) Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

(ii) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

(iii) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành.

2. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm a, b, c, d, e, f và i khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:

a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;

b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư;

c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;

d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;

e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

3. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp sai lệch do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

5. Trong thời hạn 05 Ngày Làm Việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

6. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

c) Quỹ không được đầu tư quá 20% Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận;

d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

Điều 11. Hoạt Động Vay, Cho Vay, Giao Dịch Mua Bán Lại, Giao Dịch Ký Quỹ, Bán Khống

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là 30 ngày.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 12. Phương Pháp Lựa Chọn Đầu Tư

1. Quỹ KDEF sẽ sàng lọc để lựa chọn danh mục đầu tư bao gồm các tài sản đầu tư có chất lượng cao, với mức định giá hấp dẫn, qua đó có thể gia tăng giá trị trong dài hạn với chiến lược quản lý đầu tư chủ động của Quỹ.

2. Các phương pháp lựa chọn đầu tư cổ phiếu bao gồm:

   a) Phương pháp sàng lọc từ trên xuống (Top-down): Phân tích vĩ mô tổng quan nền kinh tế; phân tích xu hướng phát triển các ngành qua đó lựa chọn các doanh nghiệp có triển vọng tốt trong trung và dài hạn.

   b) Phương pháp phân tích cơ bản từ dưới lên (Bottom-up) là cách tiếp cận tập trung vào việc lựa chọn các doanh nghiệp riêng lẻ dựa trên các yếu tố nội tại của doanh nghiệp.

3. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là tiền gửi và công cụ thị trường tiền tệ: Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ trình danh sách tại các tổ chức tín dụng để Ban Đại Diện Quỹ xem xét và phê duyệt nguyên tắc thực hiện hoạt động đầu tư.

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tài sản đầu tư khác: Tùy thuộc vào điều kiện thị trường, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chủ động xem xét, lựa chọn các tài sản đầu tư khác để đảm bảo Mục tiêu đầu tư của Quỹ.

CHƯƠNG 3. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư của Quỹ là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có sở hữu Chứng Chỉ Quỹ. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng Chỉ Quỹ mà mình sở hữu.

2. Nhà Đầu Tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu Tư tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng Chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà Đầu Tư tổ chức ký.

3. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng Chỉ Quỹ. Việc tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng Chỉ Quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo pháp luật chuyên ngành có liên quan.

4. Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ KDEF không được và sẽ không được chào bán hoặc bán tại Hoa Kỳ, các vùng lãnh thổ hoặc khu vực chịu sự quản lý của Hoa Kỳ và tất cả các khu vực thuộc quyền tài phán của Hoa Kỳ, hoặc cho các Cá nhân Hoa Kỳ, trừ khi trong một giao dịch không vi phạm các luật chứng khoán của Hoa Kỳ. Quỹ KDEF không đăng ký chào bán, giao dịch, chuyển nhượng trực tiếp hoặc gián tiếp đến các Cá nhân Hoa Kỳ như định nghĩa trong Đạo luật Chứng khoán Hoa Kỳ năm 1933, và người được chỉ định ở Hoa Kỳ như định nghĩa trong Đạo luật tuân thủ thuế tài khoản nước ngoài ("FATCA"). Nếu một Nhà Đầu Tư sau đó trở thành "Cá nhân Hoa Kỳ" theo các quy định nêu tại khoản này và thông tin này được Công Ty Quản Lý Quỹ biết đến, Chứng Chỉ Quỹ thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đó có thể bị Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại bắt buộc. Để bảo vệ

quyền lợi của tất cả các Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo lưu quyền mà không cần thông báo trước để hạn chế hoặc ngăn chặn việc bán và chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ cho các cá nhân được FATCA nhắm đến.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ và Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng Chỉ Quỹ, giao dịch Chứng Chỉ Quỹ với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu Tư khác.

6. Nhà Đầu Tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu Chứng Chỉ Quỹ.

Điều 14. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 của Luật Chứng Khoán;

   b) Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng Chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

   c) Quyền tự do chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ;

   d) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;

   e) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

   f) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng Chỉ Quỹ;

   g) Tuân thủ Điều Lệ Quỹ, và chấp hành các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

   h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều Lệ Quỹ này.

2. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

   a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;

   b) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường trong các trường hợp sau:

      i) Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát vi phạm quyền của Nhà Đầu Tư hoặc nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều Lệ Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát hoặc được giao bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư, gây tổn thất cho Quỹ;

      ii) Ban Đại Diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;

      iii) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ;

   c) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải trả lời Nhà Đầu Tư;

   d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Nhà Đầu Tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất 03 Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc;

   e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

3. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban Đại Diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự

theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng Chứng Chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu Tư, tổng số Chứng Chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu Tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do.

5. Trường hợp triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều Lệ Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát.

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư

1. Trong thời hạn 05 Ngày Làm Việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng có trách nhiệm lập Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư và xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với số Chứng Chỉ Quỹ đã đăng ký mua. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư được lập thành tập dữ liệu điện tử.

2. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư phải có các thông tin chủ yếu sau:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát; tên đầy đủ của Quỹ;

   b) Tổng số Chứng Chỉ Quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng Chỉ Quỹ đã bán và tổng giá trị vốn huy động được cho Quỹ;

   c) Thông tin Nhà Đầu Tư: họ tên, số định danh cá nhân (đối với cá nhân là người Việt Nam) hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (đối với cá nhân nước ngoài), địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân); tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của Nhà Đầu Tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng Chứng Chỉ Quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;

   d) Ngày lập Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu Tư. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên Sổ Chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu Tư được cập nhật tại Sổ Chính.

4. Đại Lý Ký Danh được mở, quản lý sổ phụ trên cơ sở hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng. Sổ Phụ bao gồm đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư với nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này. Chi phí quản lý Sổ Phụ không được hạch toán vào Quỹ.

Điều 16. Quy Định Chung Về Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ tối thiểu 02 lần trong 01 tháng và đã được công bố cụ thể tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt.

2. Tần suất giao dịch của Quỹ:

   a) Hằng ngày vào các Ngày Làm Việc (Không bao gồm các Ngày Làm Việc bù rơi vào thứ Bảy và/hoặc Chủ Nhật);

   b) Nếu Ngày Giao Dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ, nghỉ bù theo quy định pháp luật thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch kế tiếp của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo chi tiết về lịch giao dịch trong trường hợp nghỉ lễ, nghỉ bù trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ;

3. Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ tại các Đại Lý Phân Phối được công bố tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt hoặc trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan phải thiết lập hệ thống tiếp nhận lệnh giao dịch bảo đảm Nhà Đầu Tư có thể đặt lệnh giao dịch tại các Đại Lý Phân Phối.

4. Đại Lý Phân Phối chỉ được nhận Lệnh Giao Dịch của Nhà Đầu Tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định. Phiếu lệnh phải được Đại Lý Phân Phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu Tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.

5. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh là 14h40 của Ngày Làm Việc liền trước Ngày Giao dịch (T). Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan chỉ thực hiện các lệnh nhận được trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh. Các lệnh nhận sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh bị hủy vào Ngày Giao Dịch đã đăng ký và được tự động thực hiện tại Ngày Giao Dịch kế tiếp gần nhất.

6. Trong thời hạn 03 Ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ nhưng không quá Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ tiếp theo, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan, có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu Tư tại Sổ Chính và gửi Nhà Đầu Tư bản xác nhận giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC thông qua hòm thư điện tử (email) hoặc tại Đại Lý Phân Phối hoặc theo hình thức khác đã đăng ký của Nhà Đầu Tư.

7. Trước thời điểm phân bổ kết quả giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, nếu Đại Lý Phân Phối phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại Lý Phân Phối phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan và yêu cầu sửa lỗi giao dịch. Quá thời hạn nêu trên, Đại Lý Phân Phối chịu trách nhiệm trước Nhà Đầu Tư về các lỗi giao dịch.

8. Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan phải có sổ lệnh lưu trữ đầy đủ thông tin về các Lệnh Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC. Đại Lý Phân Phối có trách nhiệm cung cấp sao kê tài khoản, tiểu khoản theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư.

9. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ có từ hai quỹ mở trở lên và có quy định tại Điều lệ các quỹ, Bản cáo bạch, Nhà Đầu Tư được chuyển đổi quỹ. Lệnh Chuyển Đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:

   a) Lệnh Bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện Lệnh Mua chứng chỉ quỹ của Quỹ mục tiêu;

   b) Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;

   c) Nhà Đầu Tư chỉ phải thanh toán Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi (nếu có) theo quy định tại Điều Lệ quỹ, không phải thanh toán Giá Dịch Vụ Mua Lại, Giá Dịch Vụ Phát Hành đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản này.

Điều 17. Lệnh Mua, Lệnh Bán

1. Quy định về Lệnh Mua

   a) Việc thực hiện Lệnh Mua phải tuân thủ nguyên tắc sau:

      (i) Lệnh Mua của Nhà Đầu Tư phải gửi kèm xác nhận việc Nhà Đầu Tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát xác nhận với Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hoặc Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan đã nhận đầy đủ tiền mua Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, Đại Lý Ký Danh. Việc xác nhận hoàn tất việc thanh toán được thực hiện bằng văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận;

      (ii) Đại Lý Ký Danh được thực hiện thanh toán trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa Lệnh Mua Và Lệnh Bán;

(iii) Nhà Đầu Tư thanh toán giao dịch mua Chứng Chỉ Quỹ dưới hình thức chuyển khoản. Tiền mua Chứng Chỉ Quỹ phải chuyển trực tiếp vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, không thanh toán vào tài khoản khác của Đại Lý Phân Phối;

(iv) Giá trị giao dịch của Lệnh Mua phải không nhỏ hơn giá trị mua tối thiểu. Giá trị mua tối thiểu được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch. Trong trường hợp Nhà Đầu Tư chuyển khoản thanh toán nhiều hoặc ít hơn số tiền đăng ký Lệnh Mua, việc xử lý thực hiện theo quy định tại Bản Cáo Bạch;

(v) Số lượng Đơn Vị Quỹ bán cho Nhà Đầu Tư hoặc Đại Lý Ký Danh có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

b) Công Ty Quản Lý Quỹ mở tài khoản tiền của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát để nhận tiền thanh toán mua Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, Đại Lý Ký Danh. Đại Lý Ký Danh mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 77 Thông tư 98/2020/TT-BTC để nhận tiền gửi thanh toán giao dịch của Nhà Đầu Tư giao dịch trên Tài Khoản Ký Danh.

c) Tiền mua Chứng Chỉ Quỹ khi chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát được giải ngân để đầu tư sau thời điểm phân bổ kết quả giao dịch. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm thanh toán tiền lãi cho Quỹ, với lãi suất tối thiểu bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn đang áp dụng, kể từ ngày Quỹ nhận được tiền mua Chứng Chỉ Quỹ từ Nhà Đầu Tư.

d) Trường hợp Lệnh Mua Chứng Chỉ Quỹ và việc thanh toán cho Lệnh Mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà Đầu Tư, phiếu lệnh và xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ, hoặc số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của Nhà Đầu Tư, theo hướng dẫn cụ thể của Công Ty Quản Lý Quỹ.

e) Số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối được tính theo công thức dưới đây. Số lượng Chứng Chỉ Quỹ được phân phối cho Nhà Đầu Tư có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

$$\text{Số lượng Chứng Chỉ Quỹ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} * (1 - \text{Giá Dịch vụ Phát hành (\%)})}{\text{NAV của Đơn vị Quỹ tại Ngày Giao dịch}}$$

f) Trường hợp đăng ký mua Chứng Chỉ Quỹ theo (các) chương trình đầu tư của Công Ty Quản Lý Quỹ:

(i) Tùy theo chương trình đầu tư của Công Ty Quản Lý Quỹ, Nhà Đầu Tư lựa chọn chương trình phù hợp có thể đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ;

(ii) Phương thức đặt lệnh giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, ngày thanh toán, ... cho các chương trình đầu tư được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

g) Quy trình giao dịch mua Chứng Chỉ Quỹ, quy định giao dịch mua không hợp lệ, phương thức xử lý trong trường hợp tiền mua Chứng Chỉ Quỹ nhiều hoặc ít hơn số tiền đăng ký trong Lệnh Mua được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

2. Quy định về Lệnh Bán

a) Việc thực hiện Lệnh Bán phải tuân thủ nguyên tắc sau:

(i) Lệnh Bán của Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện khi Nhà Đầu Tư, Đại Lý Ký Danh có đủ số lượng Đơn Vị Quỹ để bán theo yêu cầu và số lượng Đơn Vị Quỹ còn lại sau giao dịch của Nhà Đầu Tư không thấp hơn số lượng tối thiểu (nếu có) để duy trì tài khoản, tiểu khoản quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch. Trong trường hợp số lượng đăng ký bán dẫn đến số lượng Đơn Vị Quỹ còn lại trong Tài Khoản Giao Dịch của Nhà Đầu Tư nhỏ hơn số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu thì số lượng Đơn Vị Quỹ còn lại sẽ được tự động bán hết tại kỳ giao dịch mà Nhà Đầu Tư đặt bán;

(ii) Lệnh Bán có thể chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Điều Lệ Quỹ;

(iii) Thời hạn thanh toán không quá 05 Ngày Làm Việc, kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 của Điều Lệ Quỹ;

(iv) Tiền bán Chứng Chỉ Quỹ được Quỹ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà Đầu Tư, Đại Lý Ký Danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà Đầu Tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà Đầu Tư do Nhà Đầu Tư chỉ định. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền giao dịch bán này sẽ do Nhà Đầu Tư chịu.

(v) Số tiền bán Chứng Chỉ Quỹ được thực hiện theo công thức sau:

$$\text{Giá trị tiền bán CCQ} = \text{Số lượng CCQ được mua lại x NAV của một Đơn Vị Quỹ x } (1 - \text{Giá Dịch Vụ Mua Lại } (\%)) - \text{Thuế, phí chuyển tiền (nếu có)}$$

b) Trong thời hạn 03 Ngày Làm Việc, kể từ ngày nhận được thanh toán theo quy định tại tiết iv điểm a khoản 2 Điều này, Đại Lý Ký Danh có trách nhiệm hoàn tất việc thanh toán cho Nhà Đầu Tư.

c) Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đảm bảo:

(i) Chỉ thực hiện khi Công Ty Quản Lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại Diện Quỹ và phải báo cáo Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất;

(ii) Được Nhà Đầu Tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;

(iii) Chỉ thực hiện đối với Lệnh Bán có tổng giá trị thanh toán lớn hơn 50 tỷ đồng;

(iv) Cơ cấu danh mục chuyển giao cho Nhà Đầu Tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ.

d) Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

e) Quy trình giao dịch bán Chứng Chỉ Quỹ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Điều 18. Thực Hiện Một Phần Lệnh Giao Dịch, Tạm Ngừng Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần Lệnh Bán, Lệnh Mua, Lệnh Chuyển Đổi của Nhà Đầu Tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tổng giá trị các Lệnh Bán (kể cả Lệnh Bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các Lệnh Mua (kể cả Lệnh Mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày Giao Dịch lớn hơn hoặc bằng 5% Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ. Đối với trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày kể từ Ngày Giao Dịch, sau khi được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận;

b) Việc thực hiện toàn bộ Lệnh Giao Dịch của Nhà Đầu Tư dẫn tới:

(i) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ xuống dưới 50 tỷ đồng; hoặc

(ii) Giá trị phần Đơn Vị Quỹ hoặc số Đơn Vị Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu Tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch; hoặc

(iii) Giá Trị Tài Sản Ròng còn lại hoặc số Đơn Vị Quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn Giá Trị Tài Sản Ròng tối thiểu hoặc số Đơn Vị Quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch (nếu có).

c) Các trường hợp khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp thực hiện một phần Lệnh Bán, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng nguyên tắc phân phối theo cùng một tỷ lệ. Theo đó, phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch bán tại một phiên giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao

cho tổng giá trị các Lệnh Bán tại Ngày Giao Dịch không vi phạm các điều kiện đáp ứng việc mua lại một phần Lệnh Bán của Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Số lượng Chứng Chỉ Quỹ được mua lại trong trường hợp này được tính theo công thức sau:

$$X_i = SLDK_i * \frac{\sum GTPB}{\sum GTGD}$$

Trong đó:

Xi: số lượng Chứng Chỉ Quỹ thực tế của Nhà Đầu Tư i được thực hiện (hay số lượng Chứng Chỉ Quỹ khớp Lệnh Bán). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

SLDKi: số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư i đăng ký bán.

GTPB: Tổng giá trị phân bổ mà Công Ty Quản Lý Quỹ có thể đáp ứng cho Lệnh Bán của Nhà Đầu Tư tại kỳ giao dịch.

GTGD: tổng giá trị giao dịch mà Nhà Đầu Tư đăng ký bán trong kỳ.

3. Thông báo về phần lệnh được thực hiện hoặc khớp một phần sẽ được Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng gửi cho Đại Lý Phân Phối chi tiết trong báo cáo giao dịch để Đại Lý Phân Phối thông báo lại cho Nhà Đầu Tư.

4. Phần còn lại của các Lệnh Bán chưa được thực hiện hết sẽ được tự động hủy. Trong trường hợp Nhà Đầu Tư muốn tiếp tục thực hiện Lệnh Bán, Nhà Đầu Tư gửi lệnh cho Đại Lý Phân Phối trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của các kỳ giao dịch kế tiếp.

5. Chứng Chỉ Quỹ có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây và thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ không được kéo dài quá 90 ngày kể từ ngày tạm dừng giao dịch:

   a) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng; hoặc

   b) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ vào Ngày Định Giá mua lại Chứng Chỉ Quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán; hoặc

   c) Các sự kiện khác theo yêu cầu của UBCKNN xét thấy là cần thiết.

6. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại Diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 5 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

7. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo quy định tại khoản 5 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ hoặc tách Quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

8. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 19. Giá Phát Hành Lần Đầu, Giá Bán, Giá Mua Lại, Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại, Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi

1. Giá Phát Hành Lần Đầu của 01 Đơn Vị Quỹ được xác định bằng mệnh giá cộng với Giá Dịch Vụ Phát Hành (nếu có) trong đợt chào bán Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng.

2. Giá Bán của 01 Đơn Vị Quỹ, là mức giá mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ, bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ tính tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ cộng với Giá Dịch Vụ Phát Hành (nếu có).

3. Giá Mua Lại của 01 Đơn Vị Quỹ, là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư, được xác định bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên 01 Đơn Vị Quỹ tính tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ, trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại (nếu có).

4. Giá Dịch Vụ Mua Lại, Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi (nếu có) có thể được quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào thời hạn nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ, mục tiêu đầu tư hoặc giá trị khoản đầu tư.

5. Giá Dịch Vụ Phát Hành tối đa 5% giá trị giao dịch. Giá Dịch Vụ Mua Lại, Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi tối đa 3% giá trị giao dịch. Giá Dịch Vụ Mua Lại, Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi cụ thể quy định trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

6. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại khoản 5 Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới là sau 30 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 20. Chuyển Nhượng Phi Thương Mại

1. Việc tặng, cho, thừa kế Chứng Chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc tặng, cho, thừa kế hoặc người tặng, cho, thừa kế.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ đăng ký người nhận tặng, cho, người thừa kế hợp pháp trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư sau khi người nhận tặng, cho, người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc tặng cho, thừa kế.

Điều 21. Giải Pháp Cho Vấn Đề Thua Lỗ của Quỹ

Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ đánh giá và đề xuất Đại Hội Nhà Đầu Tư xem xét thông qua tại từng giai đoạn hoạt động của Quỹ.

CHƯƠNG 4. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 22. Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư.

2. Đại Hội Nhà Đầu Tư do Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:

   a) Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ;

   b) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;

   c) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;

   d) Phương án phân phối lợi tức;

   e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;

   f) Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;

   g) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại Hội Nhà Đầu Tư;

   h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ này.

3. Chương trình và nội dung họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 Ngày Làm Việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc một thời gian khác theo quy định pháp luật có liên quan, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

4. Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính. Theo đề nghị của Ban Đại Diện Quỹ, cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính và phải thông báo UBCKNN. Tùy từng thời điểm và phù hợp với quy định pháp luật có liên quan, Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền quyết định việc tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự, biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử. Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ thông qua quy chế của hình thức họp lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có).

5. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư trong các trường hợp sau:

   a) Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;

   b) Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Điều Lệ Quỹ này;

   c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ này.

   Việc tổ chức họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư.

6. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 5 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 5 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Đại Diện Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ Quỹ này.

7. Chi phí tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư do Quỹ thanh toán.

Điều 23. Điều Kiện, Thể Thức Tiến Hành Họp, Thông Qua Quyết Định Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Nhà Đầu Tư:

   a) Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).

   b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự.

2. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại Hội Nhà Đầu Tư:

   a) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tiến hành đăng ký Nhà Đầu Tư dự họp Đại Hội Nhà Đầu Tư;

   b) Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

      i) Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Ban Đại Diện Quỹ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Ban Đại Diện Quỹ còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Công Ty Quản Lý Quỹ điều hành để Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

      ii) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

      iii) Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

   c) Chương trình và nội dung họp phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình

họp.

d) Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số Nhà Đầu Tư dự họp.

e) Đại Hội Nhà Đầu Tư thảo luận và biểu quyết theo từng vấn trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

f) Nhà Đầu Tư hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

g) Người triệu tập cuộc họp hoặc chủ tọa cuộc họp có quyền sau đây:

i) Yêu cầu tất cả các người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

ii) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.

h) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 Ngày Làm Việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

i) Địa điểm họp không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

ii) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Nhà Đầu Tư dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

iii) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

i) Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp trái với quy định tại tiết h khoản này, Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến khi kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

3. Hình thức thông qua nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư:

a) Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Công Ty Quản Lý Quỹ được lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản đối với Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên và bất thường, trừ trường hợp lấy ý kiến đối với các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 22 Điều Lệ Quỹ này.

b) Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư về các các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 22 Điều Lệ Quỹ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.

4. Điều kiện để nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua:

a) Đối với các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 22 Điều Lệ Quỹ, nghị quyết tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà Đầu Tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua tại cuộc họp khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành;

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Đại Diện Quỹ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Nhà Đầu tư có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Chứng Chỉ Quỹ sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Đại Diện Quỹ và Nhà Đầu Tư có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi

đủ số thành viên theo quy định tại Điều Lệ Quỹ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Đại Diện Quỹ thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau;

d) Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua nếu được số Nhà Đầu Tư đại diện trên 50% tổng số biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết tán thành;

e) Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được thông báo đến Nhà Đầu Tư có quyền dự họp bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

5. Biên bản họp Đại Hội Nhà Đầu Tư:

a) Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

i) Tên Quỹ; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;

ii) Thời gian và địa điểm họp;

iii) Chương trình và nội dung cuộc họp;

iv) Họ và tên chủ tọa và thư ký;

v) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại Hội Nhà Đầu Tư về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

vi) Số Nhà Đầu Tư và tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu Tư dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Nhà Đầu Tư, đại diện Nhà Đầu Tư dự họp với số Chứng Chỉ Quỹ và số phiếu bầu tương ứng;

vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu Tư dự họp;

viii) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

ix) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ và các thành viên khác của Ban Đại Diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

b) Biên bản họp phải được làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp;

c) Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản;

d) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng;

e) Biên bản họp phải được gửi đến Nhà Đầu Tư bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

6. Thể thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư và các tài liệu văn bản liên quan như thư mời họp, dự thảo nội dung chương trình họp, các tài liệu liên quan đến chương trình họp phải được gửi đến địa chỉ đã đăng ký của Nhà Đầu Tư;

b) Phát hành phiếu lấy ý kiến với các nội dung chủ yếu sau đây:

i) Tên Quỹ; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;

ii) Mục đích lấy ý kiến;

iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Nhà Đầu Tư là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Nhà Đầu Tư là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch; số Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư đang nắm giữ;

iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

vi) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến;

vii) Họ tên, chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ.

c) Nhà Đầu Tư có thể gửi phiếu lấy ý kiến đến Công Ty Quản Lý Quỹ bằng hình thức gửi thư qua đường bưu điện hoặc thư điện tử hoặc bỏ phiếu điện tử (e-voting) theo quy định sau đây:

i) Trường hợp gửi thư qua đường bưu điện, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà Đầu Tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu Tư là tổ chức;

ii) Trường hợp gửi thư điện tử, bỏ phiếu điện tử (e-voting), phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

iii) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

d) Công Ty Quản Lý Quỹ tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

i) Tên Quỹ; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;

ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

iii) Số Nhà Đầu Tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Nhà Đầu Tư tham gia biểu quyết;

iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

vi) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ, đại diện giám sát kiểm phiếu của Ngân Hàng Giám Sát và người kiểm phiếu.

Người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ, người kiểm phiếu và đại diện giám sát kiểm phiếu của Ngân Hàng Giám Sát phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

e) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến Nhà Đầu Tư bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty;

f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quỹ;

g) Nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.

7. Hiệu lực của Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư:

a) Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó;

b) Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua bằng 100% tổng số Chứng Chỉ Quỹ có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ;

c) Trường hợp có Nhà Đầu Tư, hoặc nhóm Nhà Đầu Tư yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

8. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ này. Trong trường hợp quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ này thì phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.

Điều 24. Phản Đối Quyết Định Của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư về một số các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 22 Điều Lệ Quỹ này có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình Của Công Ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu Tư, số lượng Đơn Vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu Tư gửi tới trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức Giá Mua Lại được xác định trên cơ sở Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ tại kỳ giao dịch Chứng Chỉ Quỹ gần nhất kể từ khi Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư và Nhà Đầu Tư không phải thanh toán Giá Dịch Vụ Mua Lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

CHƯƠNG 5. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 25. Ban Đại Diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ có 03 thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được Nhà Đầu Tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải tuân thủ quy định sau:

a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để bầu thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Đại Diện Quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều Lệ Quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Đại Diện Quỹ được công bố rõ ràng và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;

c) Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 10% tổng số Chứng Chỉ Quỹ trở lên có quyền đề cử người vào Ban Đại Diện Quỹ. Việc đề cử người vào Ban Đại Diện Quỹ được thực hiện như sau:

i) Các Nhà Đầu Tư hợp thành nhóm để đề cử nhân sự vào Ban Đại Diện Quỹ phải thông báo về việc họp nhóm cho các Nhà Đầu Tư dự họp biết trước khi khai mạc Đại Hội Nhà Đầu Tư;

ii) Căn cứ số lượng thành viên Ban Đại Diện Quỹ, Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư quy định tại điểm này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư làm ứng cử viên Ban Đại Diện Quỹ. Trường hợp số ứng viên được Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư thì số ứng cử viên còn lại do Ban Đại Diện Quỹ và các Nhà Đầu Tư khác đề cử.

2. Tối thiểu 2/3 số thành viên của Ban Đại Diện Quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:

   a) Không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này;

   b) Đáp ứng các quy định khác tại Điều Lệ Quỹ (nếu có).

3. Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có:

   a) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;

   b) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

   c) Tối thiểu 01 thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ, thành viên Ban Đại Diện Quỹ nếu không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kiến bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc báo cáo cho UBCKNN và công bố thông tin khi thay đổi cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 26. Nhiệm Kỳ, Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ:

   a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định pháp luật;

   b) Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là thành viên độc lập. Thành viên độc lập của Ban Đại Diện Quỹ không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát hay đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.

3. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ không thể hoàn thành nhiệm kỳ có thể từ chối chức vụ bằng cách nộp đơn từ chức đến cho Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ trước ít nhất 60 ngày.

4. Những người sau đây không được là thành viên Ban Đại Diện Quỹ:

   a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị;

   b) Là thành viên của trên 05 ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

   c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 27. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Ban Đại Diện Quỹ và thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà Đầu Tư.

2. Phê duyệt sổ tay định giá Giá Trị Tài Sản Ròng, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 35, khoản 3 Điều 20 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

3. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư 98/2020/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 136/2025/TT-BTC.

4. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều Lệ Quỹ

hoặc đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.

5. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của pháp luật.

6. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 28. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và tại Điều Lệ Quỹ.

2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.

3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 29. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại Diện Quỹ, chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là thành viên độc lập.

2. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

   a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;

   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ;

   c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ;

   d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 30. Bổ Nhiệm, Miễn Nhiệm, Bãi Nhiệm Và Bổ Sung Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư miễn nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong các trường hợp sau:

   a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 của Điều Lệ Quỹ;

   b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

   c) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực.

2. Đại Hội Nhà Đầu Tư bãi nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong các trường hợp sau:

   a) Không tham gia các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

   b) Tiết lộ các bí mật mà việc tiết lộ các bí mật này đi ngược lại với lợi ích của Quỹ;

   c) Bị khởi tố hoặc truy tố;

   d) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại Diện Quỹ do quy định pháp luật hoặc theo quyết định của UBCKNN hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định thay thế thành viên Ban Đại Diện Quỹ; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để bầu bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong các trường hợp sau:

   a) Số thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị giảm quá 1/3 so với số lượng thành viên quy định tại Điều 25 của Điều Lệ Quỹ. Trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm;

   b) Số lượng thành viên độc lập Ban Đại Diện Quỹ giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy

định tại Điều Lệ Quỹ;

c) Trừ trường hợp quy định điểm a và điểm b khoản này, Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban Đại Diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 31. Thủ Tục Điều Hành Của Ban Đại Diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ.

2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

Điều 32. Cuộc Họp Ban Đại Diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ tổ chức họp tối thiểu một Quý một lần hoặc theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước 01 ngày.

3. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ được tổ chức khi có tối thiểu 2/3 số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc theo hình thức khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.

5. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức khác theo quyết định của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết.

6. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 33. Biên Bản Họp, Nghị quyết Ban Đại Diện Quỹ

Tất cả các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi biên bản họp. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban Đại Diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp, Nghị quyết Ban Đại Diện Quỹ phải được lập thành văn bản và lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều Lệ Quỹ.

CHƯƠNG 6. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 34. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý quỹ; có đủ vốn theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.

2. Hoàn toàn độc lập với Ngân Hàng Giám Sát.

3. Có đầy đủ khả năng tài chính và năng lực để thực hiện công tác quản lý Quỹ.

4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ Lục 1 và Phụ Lục 3 Điều Lệ Quỹ này.

Điều 35. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

a) Công Ty Quản Lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng;

b) Công Ty Quản Lý Quỹ phải ban hành quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy trình nghiệp vụ khác phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của Công Ty Quản Lý Quỹ; quy trình kiểm soát nội bộ; sổ tay định giá; quy trình về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại Đại Hội Nhà Đầu Tư; quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tới từng vị trí công tác. Trường hợp Quỹ có đầu tư chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro, quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho Quỹ. Các quy trình được triển khai áp dụng thống nhất trong hoạt động Công ty;

c) Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ;

d) Công Ty Quản Lý Quỹ phải thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và ban hành chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro phù hợp với mô hình tổ chức, quy mô hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ, các loại hình quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và khách hàng ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý. Hệ thống quản trị rủi ro, chiến lược, chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng dựa theo các thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

e) Khi quản lý tài sản ủy thác, Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo:

i) Thực hiện việc đầu tư tài sản ủy thác theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ;

ii) Ký Hợp Đồng Giám Sát với Ngân Hàng Giám Sát;

iii) Thực hiện lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam, lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu và lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân Hàng Giám Sát;

Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi cho Quỹ: Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc các hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của Ngân Hàng Giám Sát;

iv) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của Quỹ tại Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản tới từng khách hàng ủy thác; tách biệt tài sản ủy thác và tài sản của chính Công Ty Quản Lý Quỹ; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký các tài sản đó;

v) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản khách hàng ủy thác quản lý tại Công Ty Quản Lý Quỹ, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát với các tổ chức phát hành, VSDC, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân Hàng Giám Sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản ủy thác;

vi) Phân công tối thiểu 02 người điều hành quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của Quỹ. Người điều hành quỹ phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp Quỹ có đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Thông tin về trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản Cáo Bạch.

f) Công Ty Quản Lý Quỹ phải ban hành quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ và cho bản thân Công Ty Quản Lý Quỹ. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác. Quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản phải được cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát và được áp dụng thống nhất;

g) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:

i) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ;

ii) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ.

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với Quỹ có thời gian hoạt động chưa đủ 06 tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến hết năm mà Quỹ được thành lập.

h) Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:

i) Thực hiện việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ và các hoạt động quản trị quỹ khác theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều Lệ Quỹ;

ii) Lập, lưu trữ, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều Lệ Quỹ;

iii) Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng. Việc ủy quyền hoạt động tuân thủ quy định tại Điều 12 Thông tư 99/2020/TT-BTC và các quy định tại Điều Lệ Quỹ.

i) Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin về Quỹ, danh mục tài sản ủy thác, giao dịch tài sản ủy thác, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, các thông tin liên quan khác cho Ngân Hàng Giám Sát. Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân Hàng Giám Sát và tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật;

j) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát phát hiện và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về các giao dịch tài sản ủy thác trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục lại danh mục cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất. Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, toàn bộ khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ;

k) Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc do Công Ty Quản Lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán và thỏa thuận giữa các bên liên quan;

l) Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nếu xét thấy cần thiết hoặc trích lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm k khoản 1 Điều này;

m) Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định pháp luật hiện hành. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại Lý

Phân Phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền;

n) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại Lý Phân Phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng. Tuy nhiên, trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

o) Công Ty Quản Lý Quỹ khi sử dụng tài sản Quỹ để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan khác. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chỉ được thực hiện nếu Điều Lệ Quỹ có điều khoản cho phép thực hiện;

p) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của khách hàng và các thông tin khác liên quan, ngoại trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

q) Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:

i) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên Quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và bảo mật, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên Quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công Ty Quản Lý Quỹ;

ii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản ủy thác; hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư; thực hiện đầu tư; hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;

iii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của Công ty Quản Lý Quỹ với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

r) Khi cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối phải tuân thủ quy định pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử;

s) Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền cho bên thứ ba tuân thủ pháp luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư;

t) Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điều 11 Thông tư 99/2020/TT-BTC;

u) Thực hiện các cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ được nêu tại Phụ Lục 1 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ Quỹ này.

2. Quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ

a) Lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát theo tiêu chuẩn tại Điều Lệ Quỹ; theo ủy quyền ký kết hợp đồng giám sát, hợp đồng dịch vụ lưu ký, hợp đồng Dịch Vụ Quản Trị Quỹ với Ngân Hàng Giám Sát;

b) Ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát và các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ khác liên quan đến hoạt động quản lý Quỹ thực hiện hoạt động quản trị Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo hoạt động ủy quyền này không ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư;

c) Từ chối phát hành Chứng Chỉ Quỹ cho những chủ thể không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của Điều Lệ và pháp luật hiện hành;

d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;

e) Ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ;

f) Được hưởng các khoản giá dịch vụ được quy định trong Điều Lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Tham gia tất cả các Đại Hội Nhà Đầu Tư và cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ;

h) Được yêu cầu Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối cung cấp thông tin;

i) Soạn thảo, phê duyệt, chỉnh sửa, bổ sung, thay thế các nội dung được quy định trong Bản Cáo Bạch;

j) Quyết định mức giá dịch vụ phát hành, mua lại và chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ dựa trên khung giá dịch vụ được quy định trong Điều Lệ và Bản Cáo Bạch;

k) Yêu cầu thanh lý Quỹ nếu Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ thấp hơn mức tối thiểu được quy định tại Điều Lệ Quỹ;

l) Tái sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài. Việc đầu tư phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;

m) Các quyền khác của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định pháp luật hiện hành và Điều Lệ Quỹ.

Điều 36. Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Quỹ Của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau đây và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

   a) Công Ty Quản Lý Quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ theo các quy định của Điều Lệ Quỹ;

   b) Theo yêu cầu của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

   c) Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 95 của Luật Chứng Khoán;

   d) Tổ chức lại Công Ty Quản Lý Quỹ;

   e) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

2. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một công ty quản lý quỹ khác phải theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu tư để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế đối với các trường hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều này.

4. Trong thời hạn 05 Ngày Làm Việc kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế có trách nhiệm đề nghị UBCKNN điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ liên quan đến thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ.

5. Nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho Công Ty Quản Lý Quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng, trong trường hợp Quỹ thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này (mà không phải do Công Ty Quản Lý Quỹ vi phạm quy định pháp luật hoặc Điều Lệ Quỹ này), Quỹ sẽ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã quy định tại Điều Lệ này) theo tỷ lệ như sau:

Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ	**Phí được tính trên NAV của Quỹ(*)**
Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ được thành lập	2%
Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ được thành lập	1,5%

(*) Trong đó, NAV được sử dụng là NAV bình quân theo các báo cáo NAV của 365 hoặc 366 ngày liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công ty Quản Lý Quỹ đã được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

Điều 37. Hạn Chế Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là Người Có Liên Quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân Hàng Giám Sát. Thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ và ngược lại.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà công ty đang quản lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.

3. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.

4. Thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa Công Ty Quản Lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

5. Trong hoạt động quản lý tài sản ủy thác, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:

   a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;

   b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;

   c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% vốn điều lệ;

   d) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật;

   e) Việc đầu tư tài sản của Quỹ vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán;

   f) Công Ty Quản Lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác;

   g) Các hạn chế đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán khác và đối với từng loại hình quỹ cụ thể được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CHƯƠNG 7. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 38. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Ngân Hàng Giám Sát

1. Ngân Hàng Giám Sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng Khoán.

2. Ngân Hàng Giám Sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân Hàng Giám Sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là Người Có Liên Quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công Ty Quản Lý Quỹ và ngược lại.

3. Ngân Hàng Giám Sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân Hàng Giám Sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.

4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký.

5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ Lục 2 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ Quỹ.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

   a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu Tư;

   b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;

   c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật Chứng Khoán, các quy định có liên quan và Điều Lệ Quỹ;

   d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp Đồng Giám Sát và Điều Lệ Quỹ;

   e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát;

   f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;

   g) Giám sát hoặc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng [tần suất] phù hợp với các quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng là chính xác;

   h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;

   i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ;

   j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều Lệ Quỹ;

   k) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư của Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều Lệ Quỹ;

   l) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số Chứng Chỉ Quỹ sở hữu bởi từng Nhà Đầu Tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.

2. Quyền của Ngân Hàng Giám Sát

   a) Ngân Hàng Giám Sát được hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ theo Điều Lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;

   b) Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ này. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN. Được quyền xem xét lại năng lực và các quy trình của Công Ty Quản Lý Quỹ trong quá trình quản lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ chỉnh sửa nếu cần thiết;

   c) Được quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết;

   d) Các quyền khác theo quy định pháp luật, Hợp Đồng Giám Sát.

Điều 40. Hoạt Động Giám Sát Của Ngân Hàng Giám Sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát.

2. Trách nhiệm của Ngân Hàng Giám Sát trong hoạt động giám sát đầu tư của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với tài sản của Quỹ:

a) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ;

b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và Người Có Liên Quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ;

c) Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

d) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;

e) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều Lệ Quỹ;

f) Giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng Khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng Khoán và tại Điều Lệ Quỹ;

g) Xác nhận các báo cáo về Giá Trị Tài Sản Ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập.

2. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ.

4. Ngân Hàng Giám Sát có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đầu tư để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công Ty Quản Lý Quỹ.

5. Ngân Hàng Giám Sát được cung cấp dịch vụ Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Bộ phận cung cấp dịch vụ Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng tại Ngân Hàng Giám Sát phải tách biệt về tổ chức nhân sự, hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử khách hàng, đối với các bộ phận thực hiện chức năng giám sát và các bộ phận kinh doanh khác của Ngân Hàng Giám Sát. Bộ phận cung cấp dịch vụ Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng phải có nhân viên có chứng chỉ kế toán trưởng hoặc chứng chỉ kiểm toán hoặc kế toán hoặc các chứng chỉ quốc tế trong lĩnh vực kế toán ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants), CA (Chartered Accountants), ACA (Associate Chartered Accountants) hoặc bằng đại học trở lên chuyên ngành kế toán, kiểm toán.

6. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tiến hành thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ theo quy định của pháp luật về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Điều Lệ Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát gửi thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân Hàng Giám Sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều Lệ Quỹ.

7. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho quỹ, Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát liên đới cùng với Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

8. Cơ chế phối hợp giữa Ngân Hàng Giám Sát và Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc rà soát hoạt động của Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên, trong đó bảo đảm trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Quỹ Của Ngân Hàng Giám Sát

1. Ngân Hàng Giám Sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

   a) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Luật Chứng Khoán;

   b) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát;

   c) Quỹ hết thời gian hoạt động; bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;

   d) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

2. Trường hợp thay đổi Ngân Hàng Giám Sát, Quỹ thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát chỉ chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Ngân Hàng Giám Sát thay thế. Ngân Hàng Giám Sát thay thế phải lập và gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước biên bản bàn giao giữa hai ngân hàng giám sát có xác nhận của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban Đại Diện Quỹ.

3. Trường hợp Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát thì Ngân Hàng phải gửi thông báo bằng văn bản cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ trước ít nhất 06 tháng.

CHƯƠNG 8. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN

Điều 42. Các Hoạt Động Được Ủy Quyền

1. Công Ty Quản Lý Quỹ được thuê Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan cho Quỹ theo đúng các điều khoản và quy định tại Điều Lệ Quỹ và pháp luật hiện hành. Các hoạt động được ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ bao gồm:

   a) Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng;

   b) Dịch Vụ Quản Trị Quỹ;

   c) Các hoạt động khác (nếu có phát sinh) theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

2. Phạm vi và chi tiết về các hoạt động được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 42 sẽ được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan.

3. Hoạt động Đại Lý Chuyển Nhượng chỉ được ủy quyền cho duy nhất một tổ chức thực hiện và phải được thực hiện trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Điều 43. Tiêu Chí Lựa Chọn Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp: Tổ chức được lựa chọn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện được phép cung cấp dịch vụ theo quy định pháp luật. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có kinh nghiệm, được huấn luyện cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ

thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo: giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ lẫn nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng và tuân thủ quy định pháp luật có liên quan.

Điều 44. Trách Nhiệm Của Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền: Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm trên các công việc mà mình phụ trách.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

   a) Đối với Dịch Vụ Quản Trị Quỹ:

      i) Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;

      ii) Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;

      iii) Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ theo quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ;

      iv) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

   b) Đối với Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng:

      i) Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, Tài Khoản Ký Danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ;

      ii) Ghi nhận các Lệnh Mua, Lệnh Bán, Lệnh Chuyển Đổi của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ; cập nhật sổ đăng ký Nhà Đầu Tư;

      iii) Duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;

      iv) Cung cấp các sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;

      v) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu: các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn theo quy định pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công Ty Quản Lý Quỹ.

5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 45. Trách Nhiệm Của Công Ty Quản Lý Quỹ Đối Với Hoạt Động Đã Ủy Quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.

2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.

3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.

4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát,

nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.

5. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.

6. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư.

7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.

8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 46. Chấm Dứt Hoạt Động Ủy Quyền

1. Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

   a) Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;

   b) Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;

   c) Theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;

   d) Theo đề nghị của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

   e) Quỹ bị giải thể;

   f) Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

   g) Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan bị thu hồi giấy phép có liên quan đến dịch vụ cung cấp cho Quỹ;

   h) Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác.

2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan thay thế hoặc cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan thay thế phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức có xác nhận của Công Ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG 9. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 47. Quy Định Về Lựa Chọn Đại Lý Phân Phối

1. Đại Lý Phân Phối của Quỹ KDEF do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn bao gồm các công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được phân phối Chứng Chỉ Quỹ do mình quản lý. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

3. Các điều kiện hoạt động Đại Lý Phân Phối bao gồm:

   a) Là tổ chức có ít nhất 01 địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Việc phân phối Chứng Chỉ Quỹ chỉ được thực hiện tại các địa điểm đã đăng ký.

   b) Tại mỗi địa điểm có tối thiểu 02 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán; hoặc là người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài và đã có chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Việt Nam; hoặc có các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán bao gồm chứng chỉ: những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, phân tích và đầu tư chứng khoán, môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

   c) Có cơ sở vật chất, kỹ thuật đảm bảo hoạt động phân phối Chứng Chỉ Quỹ.

d) Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ và bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ.

e) Các điều kiện khác theo quy định pháp luật có liên quan (nếu có).

4. Địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ chấm dứt hoạt động phân phối trong trường hợp sau:

a) Theo quyết định của Đại Lý Phân Phối;

b) Đại Lý Phân Phối chấm dứt hoạt động tại chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;

c) Địa điểm phân phối không duy trì được được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối Chứng Chỉ Quỹ theo quy định;

d) Hợp đồng phân phối hết hiệu lực.

5. Đại Lý Phân Phối không phải là công ty chứng khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại không được:

a) Làm Đại Lý Ký Danh;

b) Phải tách bạch việc phân phối Chứng Chỉ Quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối Chứng Chỉ Quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối Chứng Chỉ Quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư.

Điều 48. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối, Đại Lý Ký Danh

1. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối bao gồm:

a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp Luật Chứng Khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và các quy định về phòng, chống rửa tiền và phòng, chống khủng bố;

b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Đại Lý Phân Phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC. Phiếu lệnh phải được Đại Lý Phân Phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử;

c) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sổ Chính, xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;

d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về Quỹ; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ;

e) Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;

f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

2. Hoạt động của Đại Lý Ký Danh bao gồm:

a) Thực hiện chức năng Đại Lý Phân Phối quy định tại khoản 1 Điều này đối với Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch trên tài khoản của Nhà Đầu Tư;

b) Lập và quản lý Sổ Phụ đối với Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch trên Tài Khoản Ký Danh; lập và quản lý hệ thống tiểu khoản; cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư, bao gồm cả thông tin về sở hữu, thông tin về giao dịch cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan;

c) Thực hiện Lệnh Giao Dịch cho Tài Khoản Ký Danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư, bảo đảm Lệnh Mua được thực hiện đầy đủ, Lệnh Bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của Đại Lý Phân Phối quy định tại Điều Lệ Quỹ và quy định pháp luật có liên quan.

3. Đại Lý Ký Danh phải tuân thủ quy định sau:

a) Tài sản trên Tài Khoản Ký Danh không thuộc sở hữu của Đại Lý Ký Danh, mà thuộc quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư tại Sổ Phụ. Các Nhà Đầu Tư này được thừa hưởng mọi quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tương ứng với số Đơn Vị Quỹ đang nắm giữ có trên Tài Khoản Ký Danh. Nhà Đầu Tư có quyền yêu cầu Đại Lý Ký Danh thực hiện việc chuyển quyền sở hữu số Đơn Vị Quỹ có trên Tài Khoản Ký Danh sang tài khoản của Nhà Đầu Tư (nếu có);

b) Đại Lý Ký Danh phải quản lý tách biệt tiền, tài sản của từng Nhà Đầu Tư; quản lý tách biệt tiền và tài sản của Nhà Đầu Tư với tiền, tài sản của chính mình. Đại Lý Ký Danh muốn giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho chính mình thì phải mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ độc lập với Tài Khoản Ký Danh;

c) Đại Lý Ký Danh không được sử dụng tiền, tài sản của Nhà Đầu Tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư trên Tài Khoản Ký Danh; không được nhận ủy quyền của Nhà Đầu Tư thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tiểu khoản của các Nhà Đầu Tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư;

d) Đại Lý Ký Danh phải mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát để nhận và thanh toán tiền cho các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư. Đại Lý Ký Danh chỉ được sử dụng tài khoản này để thanh toán cho các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư hoặc trả lại tiền cho đúng Nhà Đầu Tư đã chuyển tiền nếu có yêu cầu.

4. Ngân Hàng Giám Sát, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Ký Danh phải xây dựng hệ thống hoặc có cơ chế phối hợp để thường xuyên kiểm tra, đối soát các hoạt động của Tài Khoản Ký Danh, bảo đảm:

a) Theo dõi được chính xác tại mọi thời điểm số dư tiền (nếu có) của từng Nhà Đầu Tư trên tài khoản này và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác về số dư tiền (nếu có) theo yêu cầu bằng văn bản của nhà đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Tiền (nếu có) của Nhà Đầu Tư không bị lạm dụng hoặc bị sử dụng mà chưa được ủy quyền của Nhà Đầu Tư bằng văn bản. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định này, Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan có trách nhiệm báo cáo UBCKNN và thông báo cho Nhà Đầu Tư trong thời hạn 24 giờ;

c) Trong thời hạn 03 Ngày Làm Việc, kể từ ngày nhận được các khoản thanh toán từ Quỹ hoặc từ Nhà Đầu Tư tham gia vào Quỹ, Đại Lý Ký Danh phải hoàn tất việc thanh toán cho Nhà Đầu Tư theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc thanh toán cho Quỹ theo chỉ thị của Nhà Đầu Tư.

Điều 49. Quy Định Chung Về Nghiệp Vụ Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ

1. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu Tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho nhà đầu tư.

2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng Chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu Tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.

4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng Chỉ Quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc Quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.

5. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Đại Lý Phân Phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng Chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ. Đại Lý Phân Phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá 01 triệu đồng cho mỗi Nhà Đầu Tư trong một chương trình khuyến mại. Đại Lý Phân Phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

7. Đại Lý Phân Phối không được phân phối Chứng Chỉ Quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ khi phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư theo quy định pháp luật.

8. Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hằng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hằng năm của Công Ty Quản Lý Quỹ.

9. Phương tiện để Đại Lý Phân Phối thực hiện phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.

10. Khi thực hiện phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư trên môi trường mạng, Đại Lý Phân Phối phải đảm bảo:

    a) Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;

    b) Có các biện pháp, hình thức, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện

tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt;

c) Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin của khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống;

d) Ban hành, cập nhật các quy trình nghiệp vụ về phân phối Chứng Chỉ Quỹ trên môi trường mạng, bao gồm quy trình thẩm định thông tin, nhận biết Nhà Đầu Tư, quy trình phân phối Chứng Chỉ Quỹ, quy trình ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn của Nhà Đầu Tư, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ;

e) Đảm bảo Nhà Đầu Tư mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính Đại Lý Phân Phối;

f) Tuân thủ hoạt động phân phối quy định tại Điều 48 Điều Lệ Quỹ, khoản 5 và khoản 6 Điều này;

g) Giao diện của chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều này cho Nhà Đầu Tư. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho Nhà Đầu Tư trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải tuân thủ quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều này;

h) Đảm bảo Nhà Đầu Tư xác nhận về việc đã đọc, hiểu Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, các tài liệu liên quan đến hoạt động của Quỹ và đảm bảo Nhà Đầu Tư được thông báo về Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch được sửa đổi, bổ sung; đảm bảo Nhà Đầu Tư xác nhận đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận biết được các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch trên môi trường mạng khi Nhà Đầu Tư mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ.

11. Công Ty Quản Lý Quỹ phải cập nhật Bản Cáo Bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách Đại Lý Phân Phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại Lý Phân Phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách Đại Lý Phân Phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại Lý Phân Phối.

CHƯƠNG 10. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 50. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Và Thay Đổi Công Ty Kiểm Toán

Hằng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất Công Ty Kiểm Toán để trình Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn. Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp;
2. Nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận;
3. Không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;
4. Có uy tín và kinh nghiệm trong việc thực hiện kiểm toán cho các quỹ đầu tư.

Điều 51. Năm Tài Chính

1. Năm Tài Chính là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm Tài Chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
2. Trường hợp thời gian từ ngày thành lập Quỹ đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 52. Chế Độ Kế Toán Và Báo Cáo

1. Chế độ kế toán: Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.
2. Báo Cáo Tài Chính: Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ. Báo cáo tài chính bán niên và năm sẽ được kiểm soát, kiểm toán độc lập bởi

Công Ty Kiểm Toán. Các bản sao báo cáo đã được kiểm soát, kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại Diện Quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ để Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

Trường hợp thời gian từ ngày thành lập Quỹ đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày, báo cáo tài chính của năm đó sẽ được gộp vào báo cáo tài chính của năm tiếp theo.

3. Báo Cáo Khác: Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ.

CHƯƠNG 11. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Điều 53. Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ này và thông lệ quốc tế; phải rõ ràng để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau. Sổ tay định giá phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định hoặc ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát xác định Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Quản Trị Quỹ phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều Lệ Quỹ này và các quy định của pháp luật.
3. Giá Trị Tài Sản Ròng phải được xác định định kỳ theo Ngày Giao Dịch và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
4. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện Giá Trị Tài Sản Ròng bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng.
5. Trong thời hạn 05 Ngày Làm Việc, kể từ ngày phát hiện Giá Trị Tài Sản Ròng bị định giá sai, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cùng ký xác nhận.
6. Trong vòng 03 Ngày Làm Việc, kể từ ngày Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn 30.000.000.000 VNĐ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn 10.000.000.000 đồng trong vòng 06 tháng liên tục thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể Quỹ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 54. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn và trình Ban Đại Diện Quỹ để phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định pháp luật và đáp ứng các điều kiện sau:
   a) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá; và
   b) Không được là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
2. Việc thay đổi tổ chức cung cấp báo giá sẽ được thực hiện khi có một trong số các tiêu chí sau:
   a) Tổ chức cung cấp báo giá không còn khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;
   b) Tổ chức cung cấp báo giá trở thành Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát;
   c) Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

Điều 55. Quy trình xác định Giá Trị Tài Sản Ròng

1. Trước Ngày Định Giá: Các nghiệp vụ sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm:

a) Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong kỳ;

b) Các nghiệp vụ thanh toán chi phí liên quan đến Quỹ, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn;

c) Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ sẽ được ghi nhận vào ngày giao dịch không hưởng quyền;

d) Các nghiệp vụ phát hành thêm/mua lại Chứng Chỉ Quỹ phát sinh sau Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ của kỳ trước;

e) Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi, lãi trái phiếu,... tính đến ngày trước Ngày Định Giá;

f) Trích lập các khoản dự chi như giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, giá dịch vụ quản trị quỹ và các chi phí khác liên quan.

g) Đối chiếu số dư tiền và chứng khoán tại Ngân Hàng Giám Sát;

h) Đối chiếu số lượng Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành với Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng;

i) Thu nhập báo giá chứng khoán các hệ thống báo giá hoặc các nguồn dữ liệu có liên quan để định giá chứng khoán tính đến ngày trước Ngày Định Giá.

j) Các nghiệp vụ khác (nếu có)

2. Tại Ngày Định Giá: Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận Giá Trị Tài Sản Ròng, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ tại Ngày Định Giá.

3. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Quản Trị Quỹ thực hiện việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đảm bảo hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng được tính chính xác và phù hợp với Điều Lệ Quỹ, Sổ tay định giá và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 56. Nguyên tắc, Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng

1. Ngày Định Giá: là Ngày Làm Việc (của kỳ định giá ngày), thứ Sáu hằng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hằng tháng). Trong trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ, lễ thì Ngày Định Giá là Ngày Làm Việc tiếp theo liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hằng tháng, Ngày Định Giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ, lễ.

2. Nguyên tắc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:

i) Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ này;

ii) Các khoản mục định giá (bao gồm chứng khoán, tiền mặt và các khoản đầu tư khác) phải thường xuyên được đối chiếu với chứng từ gốc. Các khoản không thống nhất phải được xử lý kịp thời;

iii) Cổ tức, quyền mua cổ phiếu và cổ phiếu thưởng phải được hạch toán vào tài sản của Quỹ (trừ trường hợp phải hạch toán theo nguyên tắc thận trọng);

iv) Các khoản chi phí, lãi và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến ngày liền trước Ngày Định Giá theo một tỷ lệ lãi suất cố định;

v) Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định pháp luật;

vi) Xác định các mức dao động cho phép hợp lý đối với những biến động của các yếu tố quan trọng khi định giá;

vii) Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá danh mục đầu tư. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ. Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của Quỹ với Ngân Hàng Giám Sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.

b) Ngân Hàng Giám Sát phải bảo đảm:

i) Ngân Hàng Giám Sát phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng Công Ty Quản Lý Quỹ có nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định và hệ thống giám sát việc xác định giá chứng khoán hoặc Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được thực hiện theo các quy định pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ này. Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên phải được duy trì đối với bên thứ ba được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền thực hiện các hoạt động này;

ii) Việc rà soát các nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá phải được thực hiện ngay sau khi Hợp Đồng Giám Sát ký với Công Ty Quản Lý Quỹ có hiệu lực;

iii) Việc rà soát phải được thực hiện thường xuyên hơn khi Ngân Hàng Giám Sát biết hoặc nghi ngờ rằng nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá của Công Ty Quản Lý Quỹ không đáp ứng yêu cầu;

iv) Ngân Hàng Giám Sát phải bảo đảm rằng mọi vấn đề phát hiện từ những lần kiểm tra, giám sát đều được theo dõi và có biện pháp giải quyết thích hợp.

3. Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng:

a) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.

b) Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.

c) Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định của pháp luật và quy định nội bộ tại sổ tay định giá và cũng được ghi dưới đây.

i) Giá trị tài sản

Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền tại các tài khoản không kỳ hạn ngày trước Ngày Định Giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá. Cụ thể tuân theo nguyên tắc lấy tỷ giá như sau: - Trường hợp định giá hằng ngày, hằng tháng: lấy tỷ giá ngoại tệ trung bình của giá mua vào và giá bán ra do Ngân Hàng Giám Sát công bố. - Trường hợp định giá cuối năm: lấy tỷ giá ngoại tệ bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		

6	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá hoặc chỉ có giao dịch với giá trái phiếu có biến động bất thường (*), là một trong các mức giá sau: + Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận. *Ghi chú:* (*) Giá trái phiếu (giá sạch) có biến động bất thường là giá thị trường (giá sạch) có biến động tăng hoặc giảm lớn hơn 1% so với giá trái phiếu (giá sạch) của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua (giá sạch) nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất. - Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết để chờ đáo hạn hoặc không còn đủ điều kiện niêm yết thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế.
7	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết trung bình (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước Ngày Định Giá (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). - Trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
8	Trái phiếu chuyển từ chưa niêm yết thành niêm yết, dẫn tới chênh lệch giá trước niêm yết với giá ngày giao dịch đầu tiên quá lớn	- Giá sạch (clean price) theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trên sàn. Trường hợp biến động lớn (đối với trái phiếu doanh nghiệp 3%, trái phiếu chính phủ 2%), lấy theo giá mua. - Phần chênh lệch đưa vào lãi/lỗ do đánh giá lại.
Cổ phiếu		
9	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao Dịch Chứng Khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua (giá cost) + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu đã được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên trên Sở Giao dịch Chứng khoán	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá của kỳ giao dịch gần nhất (không quá 30 ngày); - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

11	Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
12	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao Dịch Chứng Khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá (trong vòng 30 ngày). Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 30 ngày tính đến Ngày Định Giá, lấy giá trị thấp nhất giữa giá vốn và giá tại kỳ định giá gần nhất trước Ngày Định Giá. - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
13	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách, hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
14	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
15	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
16	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước Ngày Định Giá.
17	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
18	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại Diện Quỹ thông qua.

19	Quỹ đóng/Quỹ ETF	- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 02 tuần tính đến Ngày Định Giá là: NAV/1CCQ tại kỳ báo cáo gần nhất trước Ngày Định Giá.
20	Quỹ mở	Giá trị tài sản ròng (NAV) trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại kỳ báo cáo gần nhất trước Ngày Định Giá.
21	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
22	Quyền mua trái phiếu chuyển đổi	Là một trong các mức giá sau: Chênh lệch giữa giá sạch (clean price) và giá thực hiện quyền mua của trái phiếu đó (giá phát hành). Trường hợp giá thị trường thấp hơn giá thực hiện quyền, giá trị quyền mua bằng 0; hoặc Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- Tổng Tài Sản Nợ, Có được xác định theo các nguyên tắc được quy định trong Chuẩn Mực Kế Toán Việt Nam và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- Lãi lũy kế là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá.
- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo.
- Ngày được nêu trong phương pháp xác định giá này được hiểu là ngày dương lịch.

ii) Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

- Giá trị cam kết (Global Exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
- Khi tính giá trị cam kết, Công Ty Quản Lý Quỹ được áp dụng:

Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn [1] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta[2]
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[3] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta.

3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại.
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao.
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân Hàng Giám Sát, và được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
	[1]: Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium). [2]: Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xác định sau khi đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận. [3]: Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).	

Điều 57. Đền Bù Thiệt Hại Cho Nhà Đầu Tư, Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư giao dịch Chứng Chỉ Quỹ khi định giá sai Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, với các mức sai lệch đạt từ 1,00% Giá Trị Tài Sản Ròng trở lên.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ Phải xây dựng phương án khắc phục, đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư theo trình tự sau:

   a) Xác định lại Giá Trị Tài Sản Ròng tại các kỳ định giá sai vượt mức;

   b) Xác định các khoản đền bù cho Quỹ, Nhà Đầu Tư tại các kỳ định giá sai. Công Ty Quản Lý Quỹ không phải đền bù cho những nhà đầu tư thiệt hại ít hơn 100.000 đồng nhưng toàn bộ khoản tiền thanh toán của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được đưa vào Quỹ, trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định khác;

   c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày định giá lại Giá Trị Tài Sản Ròng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phương án đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư. Phương án đền bù thiệt hại phải nêu rõ nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian Quỹ bị định giá sai, mức độ thiệt hại của Quỹ, Nhà Đầu Tư, kèm theo danh sách, mức đền bù của từng Nhà Đầu Tư;

   d) Trong thời hạn 07 Ngày Làm Việc kể từ ngày báo cáo UBCKNN, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tiến hành các thủ tục đền bù cho Quỹ và Nhà Đầu Tư.

3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mốc đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

   a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư đã bán;

   b) Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;

4. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

   a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;

b) Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí đền bù cho Quỹ và Nhà Đầu Tư. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận, chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư theo quy định tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều này được hạch toán vào Quỹ.

6. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù các thiệt hại gây ra cho Quỹ trong các trường hợp:

a) Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế theo quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ;

b) Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ, quy định của pháp luật;

c) Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều Lệ Quỹ và quy định pháp luật có liên quan.

7. Mức đền bù cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này được xác định trên cơ sở thiệt hại phát sinh từ phần đầu tư trái quy định, vượt hạn mức, chi phí vay. Trường hợp các hoạt động đầu tư, kinh doanh nêu trên có phát sinh lợi nhuận phải hạch toán toàn bộ lợi nhuận vào cho Quỹ.

8. Việc thanh toán các khoản đền bù cho Quỹ, Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều này được thực hiện thông qua Ngân Hàng Giám Sát. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xây dựng cơ chế phối hợp thanh toán với Ngân Hàng Giám Sát để kịp thời ra các chỉ thị thanh toán cho Nhà Đầu Tư và Quỹ.

9. Việc bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ phải được Công Ty Quản Lý Quỹ báo cáo tại báo cáo hoạt động hằng năm của Quỹ, trong đó nêu rõ nguyên nhân, lý do, mức độ ảnh hưởng, số lượng nhà đầu tư có quyền lợi bị ảnh hưởng đã được đền bù, mức đền bù cho mỗi Nhà Đầu Tư, mức đền bù cho Quỹ, hình thức đền bù, phương thức thanh toán và các hoạt động khắc phục khác (nếu có).

CHƯƠNG 12. LỢI NHUẬN VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 58. Thu Nhập Của Quỹ, Phân Phối Lợi Nhuận

1. Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản sau đây:

a) Cổ tức;

b) Lãi trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ;

c) Lãi tiền gửi;

d) Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ;

e) Các khoản thu nhập khác (nếu có) phát sinh từ việc đầu tư tài sản của Quỹ.

2. Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

a) Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại Điều Lệ Quỹ;

b) Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ (nếu có);

c) Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm Giá Trị Tài Sản Ròng không thấp hơn 50 tỷ đồng;

d) Mức chi trả lợi tức do Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ quyết định, phù hợp với mục tiêu đầu tư, các quy định tại Điều Lệ Quỹ về chính sách phân chia lợi nhuận của Quỹ;

e) Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng Chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

3. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ đề xuất trên cơ

sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (nếu được ủy quyền).

4. Lịch trình và kế hoạch phân chia lợi nhuận phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

5. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng Chỉ Quỹ. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi tức, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo đến Nhà Đầu Tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký.

6. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi tức cho Nhà Đầu Tư.

7. Chỉ những Nhà Đầu Tư được ghi trong danh sách Nhà Đầu Tư tại ngày chốt quyền mới được nhận Lợi Tức Quỹ.

8. Ngân Hàng Giám sát có trách nhiệm chi trả ngay cho Nhà Đầu Tư vào tài khoản của chính các tổ chức, cá nhân này theo chỉ thị của Công Ty Quản Lý Quỹ. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần lợi tức này sẽ do Nhà Đầu Tư chịu.

9. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu Tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:

   a) Hình thức phân chia lợi nhuận: bằng tiền hoặc bằng Chứng Chỉ Quỹ;

   b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;

   c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng chứng chỉ quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng Chỉ Quỹ);

   d) Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;

   e) Các ảnh hưởng tác động tới Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ sau khi phân chia.

Điều 59. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ

1. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ là 1,7% Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ/Năm. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ.

2. Tổng các khoản Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ và giá dịch vụ/tiền cung cấp dịch vụ thanh toán cho các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ (bao gồm Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ và Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng) không vượt quá 2% NAV của Quỹ/năm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Số tiền Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ trả hằng tháng là tổng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

4. Công thức tính Giá Dịch Vụ Quản Lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

   Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

   Với kỳ định giá NAV hằng tháng thì Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ là tổng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tại các kỳ định giá trong tháng.

Điều 60. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát

1. Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký được trả cho Ngân Hàng Giám Sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ này được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ tại ngày trước Ngày Định Giá chưa bao gồm thuế GTGT.

2. Giá dịch vụ lưu ký: 0,05% NAV/năm.

3. Giá dịch vụ giám sát: 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT). Giá Dịch Vụ Giám Sát tối thiểu: 5.000.000 VNĐ/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT).

4. Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho VSDC, chi phí pháp lý, phí rút/gửi chứng khoán chưa niêm yết,...

5. Giá dịch vụ trả hằng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

6. Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [giá dịch vụ tối thiểu hằng tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng] và [Tỷ lệ % giá dịch vụ lưu ký, giám sát (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

Điều 61. Các Loại Giá Dịch Vụ, Chi Phí Hạch Toán Vào Quỹ

1. Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm các khoản giá dịch vụ, phí, chi phí sau thuế sau đây:

   a) Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ đầu tư trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ quy định tại Điều 59 của Điều Lệ Quỹ;

   b) Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân Hàng Giám Sát quy định tại Điều 60 của Điều Lệ Quỹ;

   c) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ, giá dịch vụ quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư, giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng và các giá dịch vụ, phí khác mà Công Ty Quản Lý Quỹ trả cho Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan;

   d) Phí/giá dịch vụ giao dịch, bao gồm phí/giá dịch vụ môi giới, phí/giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho công ty chứng khoán. Các khoản chi phí này không bao gồm bất kỳ chi phí nào khác, kể cả đó là phí trả cho dịch vụ khác hoặc phí trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm);

   e) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán; dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ khác; thù lao, chi phí hoạt động trả cho Ban Đại Diện Quỹ;

   f) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức Đại Hội Nhà Đầu tư, Ban Đại Diện Quỹ, và các loại giá dịch vụ, chi phí khác phù hợp với quy định pháp luật;

   g) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;

   h) Chi phí liên quan đến việc đổi Ngân Hàng Giám Sát, hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác;

   i) Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ.

   j) Chi phí sửa đổi Điều Lệ Quỹ vì quyền lợi của Nhà Đầu Tư.

   k) Các chi phí hợp lý, hợp lệ và được Ban Đại Diện Quỹ quyết định.

   l) Chi phí về bảo hiểm (nếu có).

   m) Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin cấp giấy phép lập quỹ, niêm yết quỹ).

   n) Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

   o) Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều Lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

   p) Các chi phí khác theo quy định pháp luật.

2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hằng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối sau khi giá trị này đã được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ trong kỳ x 100\%}}{\text{Giá Trị Tài Sản Ròng Trung Bình trong kỳ}}$$

Trong đó, Giá Trị Tài Sản Ròng Trung Bình: là Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong một kỳ báo cáo của Quỹ được tính bằng tổng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tính tại các Ngày Định Giá trong

kỳ đó chia cho số Ngày Định Giá Chứng Chỉ Quỹ trong cùng kỳ.

Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ trong kỳ x 365 x 100\%}}{\text{Giá Trị Tài Sản Ròng Trung Bình x Thời gian hoạt động của Quỹ (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

3. Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối chịu trách nhiệm thanh toán chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm Quỹ, không bao gồm các ấn phẩm quy định tại điểm f khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG 13. TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 62. Hợp Nhất, Sáp Nhập Quỹ

1. Tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Đại hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp cho Nhà Đầu Tư các tài liệu liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập bao gồm:
   a) Phương án hợp nhất, sáp nhập;
   b) Dự thảo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập;
   c) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các báo cáo tài chính quý của tất cả các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tới quý gần nhất;
   d) Dự thảo Điều Lệ Quỹ, Bản cáo bạch (nếu có), Bản cáo bạch tóm tắt (nếu có) của Quỹ hợp nhất, Quỹ nhận sáp nhập.
2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo về quyết định hợp nhất, sáp nhập Quỹ cho các chủ nợ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, chủ nợ có quyền yêu cầu Quỹ thanh toán các khoản phải trả. Quá thời hạn nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ không nhận được yêu cầu từ các chủ nợ, nghĩa vụ thanh toán sẽ do Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện.
3. Trường hợp các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được quản lý bởi cùng một Công Ty Quản Lý Quỹ, mọi chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, chi phí hành chính và các dịch vụ khác liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ không được hạch toán vào chi phí của Quỹ, trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm:
   a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực thông tin về quá trình hợp nhất, sáp nhập cho Nhà Đầu Tư;
   b) Quyền lợi, nghĩa vụ được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan theo nguyên tắc tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật;
   c) Thanh toán các khoản nợ của Quỹ cho chủ nợ theo yêu cầu của chủ nợ. Việc thanh toán phải hoàn tất chậm nhất tại ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực đối với các chủ nợ yêu cầu Quỹ thanh toán theo đúng quy định tại khoản 2 Điều này.
5. Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập là ngày các Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập. Kể từ ngày UBCKNN ra Quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm:
   a) Tiếp nhận bàn giao toàn bộ sổ sách, chứng từ, danh mục chứng khoán và các tài sản khác kèm các tài liệu khác có liên quan tới Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
   b) Bảo đảm Quỹ hợp nhất, sáp nhập tiếp nhận, kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính, các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;

c) Hoàn tất thủ tục đăng ký sở hữu cho Quỹ hợp nhất, sáp nhập các tài sản tiếp nhận từ các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định pháp luật có liên quan;

d) Đại diện cho Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện các nghĩa vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Tùy thuộc vào điều khoản hợp đồng hợp nhất, sáp nhập, phương án hợp nhất, sáp nhập, Quỹ có thể chuyển đổi chứng chỉ Quỹ kết hợp thanh toán bằng tiền. Giá trị khoản thanh toán bằng tiền cho một chứng chỉ Quỹ không vượt quá 10% giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ tính tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập.

7. Trong thời hạn 07 Ngày Làm Việc kể từ ngày hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ công bố thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập. Nội dung công bố thông tin bao gồm:

a) Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;

b) Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập; tỷ lệ chuyển đổi chứng chỉ Quỹ; tỷ lệ thanh toán bằng tiền trên một chứng chỉ Quỹ (nếu có).

8. Kể từ thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực:

a) Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập chấm dứt tồn tại, đồng thời Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập kế thừa toàn bộ tài sản, nợ, quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ khác của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;

b) Nhà Đầu Tư của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được nhận tài sản dưới dạng chứng chỉ của Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập theo tỷ lệ chuyển đổi xác định tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;

c) Chứng chỉ Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập bị hủy.

Điều 63. Chia, tách Quỹ

1. Việc chia, tách phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp cho nhà đầu tư các tài liệu liên quan tới việc chia, tách Quỹ bao gồm:

a) Phương án chia, tách quỹ;

b) Dự thảo Điều lệ các quỹ hình thành sau khi chia, tách.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thay mặt Quỹ hoàn trả đầy đủ tất cả các khoản nợ, thực hiện các nghĩa vụ tài chính của quỹ trước khi chia, tách Quỹ.

4. Ngày chia, tách Quỹ là ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định chia, tách Quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định chấp thuận chia, tách quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan có trách nhiệm chia, tách danh mục đầu tư của Quỹ và thực hiện các thủ tục đăng ký sở hữu các tài sản cho các quỹ mới hình thành sau chia, tách theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn 07 Ngày Làm Việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của các quỹ hình thành sau chia, tách có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan, Đại Lý Ký Danh có trách nhiệm:

a) Hoàn tất việc lập sổ chính, sổ phụ của các quỹ mới hình thành sau khi chia, tách;

b) Xác định giá trị tài sản ròng quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ sau chia, tách;

c) Xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ từng nhà đầu tư sau chia, tách;

d) Công bố thông tin về việc chia, tách quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 64. Giải Thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà Đại Hội Nhà Đầu Tư không thể chỉ định một công ty quản lý quỹ khác thay thế trong vòng 02 tháng kể từ ngày phát sinh một trong các sự kiện giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi giấy

phép;

b) Công Ty Quản Lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận mà không xác lập được công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng 02 tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;

c) Ngân Hàng Giám Sát bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, bị giải thể, phá sản hoặc Hợp Đồng Giám Sát giữa Ngân Hàng Giám Sát và Công Ty Quản Lý Quỹ bị chấm dứt mà Công Ty Quản Lý Quỹ không xác lập được ngân hàng giám sát thay thế trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện;

d) Ngân Hàng Giám Sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được ngân hàng giám sát thay thế trong vòng 02 tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân Hàng Giám Sát;

e) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ xuống dưới 10 tỷ đồng liên tục trong 06 tháng;

f) Quỹ bị hủy niêm yết;

g) Giải thể quỹ theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quỹ phải giải thể theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ (trường hợp không có Công Ty Quản Lý Quỹ) triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư để thông qua phương án giải thể Quỹ.

3. Đại Hội Nhà Đầu Tư thống nhất ngày giải thể Quỹ. Kể từ ngày giải thể Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát không được:

a) Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho Quỹ;

b) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;

c) Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;

d) Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;

e) Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.

4. Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:

a) Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;

b) Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;

c) Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của Quỹ.

5. Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định một công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng hoặc duy trì Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm để thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.

6. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp không có công ty quản lý quỹ) chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho Nhà Đầu Tư theo phương án đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho Nhà Đầu Tư thực hiện theo phương án giải thể nhưng không quá 02 năm kể từ ngày giải thể Quỹ. Quá hạn nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát thực hiện hoàn trả danh mục cho Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 6 Điều này. Trong thời gian Quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu giá dịch vụ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.

7. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát (nếu có) khi thực hiện thanh lý tài sản của Quỹ phải bảo đảm:

a) Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải thực hiện thông qua hệ thống giao

dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán;

b) Đối với tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải được sự chấp thuận của công ty kiểm toán độc lập hoặc Ban Đại Diện Quỹ theo quy định tại khoản 5 Điều này.

8. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoàn trả danh mục của Quỹ cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư. Việc hoàn trả danh mục cho Nhà Đầu Tư phải đảm bảo nguyên tắc:

a) Quỹ đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại điểm a, b khoản 4 Điều 104 Luật Chứng Khoán;

b) Danh mục hoàn trả cho Nhà Đầu Tư phải đầy đủ các loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của Quỹ;

c) Trong trường hợp là chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát thực hiện theo hướng dẫn của VSDC;

d) Trường hợp là các tài sản phải đăng ký sở hữu khác, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm yêu cầu tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ cổ đông đăng ký sở hữu tài sản cho Nhà Đầu Tư. Việc hoàn trả hoàn tất khi Nhà Đầu Tư đã được đăng ký sở hữu tài sản.

9. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ và thông qua bởi công ty kiểm toán độc lập hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.

10. Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hằng tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Nhà Đầu Tư về Giá Trị Tài Sản Ròng, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo mẫu quy định tại phụ lục IX, phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.

11. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu giả mạo, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.

12. Trong thời hạn 05 Ngày Làm Việc, sau khi có văn bản chấp thuận việc giải thể Quỹ của UBCKNN, Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục hủy niêm yết, hủy đăng ký Chứng Chỉ Quỹ.

CHƯƠNG 14. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 65. Kiểm Soát Xung Đột Lợi Ích Giữa Quỹ Và Các Quỹ Khác, Các Khách Hàng Ủy Thác Đầu Tư Của Công Ty Quản Lý Quỹ Và Giữa Quỹ Và Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải:

a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;

b) Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.

3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG 15. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 66. Công Bố Thông Tin, Cung Cấp Thông Tin Cho Nhà Đầu Tư

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại Diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban Đại Diện Quỹ hoặc được thư điện tử đến địa chỉ do thành viên Ban Đại Diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.

3. Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt; báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo tài chính bán niên đã soát xét; báo cáo hoạt động của Quỹ định kỳ được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu Tư trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử của Nhà Đầu Tư.

4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành Quỹ nhận.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 67. Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ này phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ phải báo cáo UBCKNN.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được đề cập trong bản Điều Lệ Quỹ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ Quỹ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

Điều 68. Đăng Ký Điều Lệ Quỹ

1. Bản Điều Lệ Quỹ lần đầu bao gồm 15 Chương, 71 Điều và 03 Phụ Lục, được Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ nhất thông qua và có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho Quỹ đầu tư Cổ phiếu Cổ tức Tăng trưởng KIM.

   Bản Điều Lệ Quỹ sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất bao gồm 15 Chương, 69 Điều và 03 Phụ Lục, được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2025 của Quỹ ngày 31 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

   Bản Điều Lệ Quỹ này là Điều Lệ Quỹ sửa đổi, bổ sung lần thứ hai, bao gồm 15 Chương, 69 Điều và 03 Phụ Lục, được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2025 của Quỹ ngày 22 tháng 4 năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2026.

   Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các bên liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều Lệ Quỹ này.

2. Các bản trích lục hoặc bản sao Điều Lệ Quỹ chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ.

3. Điều Lệ Quỹ được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:

   a) 01 bản đăng ký tại cơ quan nhà nước theo quy định pháp luật;

   b) 02 bản lưu tại Công Ty Quản Lý Quỹ;

   c) 01 bản lưu tại Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 69. Điều Khoản Thi Hành

1. Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục thành lập Quỹ theo quy định pháp luật.

3. Đính kèm cùng Điều Lệ Quỹ các phụ lục sau đây:

Phụ Lục 1: Cam Kết Của Công Ty Quản Lý Quỹ

Phụ Lục 2: Cam Kết Của Ngân Hàng Giám Sát

Phụ Lục 3: Cam Kết Chung Của Công Ty Quản Lý Quỹ Và Ngân Hàng Giám Sát

Phụ Lục 4: Mức Xếp Hạng Tín Nhiệm Đối Với Trái Phiếu Doanh Nghiệp Phát Hành Riêng Lẻ Hoặc Tổ Chức Phát Hành Trái Phiếu Doanh Nghiệp Phát Hành Riêng Lẻ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2026

NGÔ THỊ MINH NGHĨA
Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

PHỤ LỤC 1. CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Tên Công Ty Quản Lý Quỹ:	**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM**
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	59/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 01/10/2020 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0305683167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 01/10/2020 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ trụ sở chính:	Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 39, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	(84-28) 3824 2220 Fax: (84-28) 3824 2225

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ đầu tư Cổ phiếu Cổ tức Tăng trưởng KIM:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:
   a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, sổ đăng ký Nhà Đầu Tư và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ;
   b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
   c) Bản đánh giá Giá Trị Tài Sản Ròng, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ;
   d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo Bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công Ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để Công Ty Kiểm Toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện

nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.

14. Báo cáo kịp thời cho UBCKNN trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.

15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HUỲNH TUẤN KHÁNH

PHỤ LỤC 2. CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên Ngân hàng:	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
Tên giao dịch:	SHBVN
Giấy phép thành lập và hoạt động:	106/GP-NHNN do Thống Đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 17/12/2019 (và các bản cập nhật, sửa đổi vào từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký:	15/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/5/2017
Trụ sở chính:	Tầng 1, 2, 3, 20, 21, 22, 23, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1- Số 15, Đường Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	(84-28) 3528 7900 Fax: (84-28) 3620 4400
Lĩnh vực hoạt động chính:	Huy động vốn, tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Ngân Hàng Giám Sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo UBCKNN nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Chứng Chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
7. Đảm bảo bằng những nỗ lực tốt nhất giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một Công Ty Kiểm Toán độc lập hằng năm.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

M.S.D.N: 0309103835-C.T.T.N.H.H. NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN SHINHAN VIỆT NAM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KIM DAEJIN
Giám đốc Phòng Dịch vụ Chứng khoán

PHỤ LỤC 3. CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

I. Tên CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:	**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM**
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	59/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 01/10/2020 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0305683167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01/10/2020 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ trụ sở chính:	Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 39, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	(84-28) 3824 2220 Fax: (84-28) 3824 2225
	--VÀ--
II. TÊN NGÂN HÀNG:	**NGÂN HÀNG TNHH MTV SHINHAN VIỆT NAM**
Tên giao dịch:	SHBVN
Giấy phép thành lập và hoạt động:	106/GP-NHNN do Thống Đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 17/12/2019 (và các bản cập nhật, sửa đổi vào từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký:	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: 15/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/5/2017
Trụ sở chính:	Tầng 1, 2, 3, 20, 21, 22, 23, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1- Số 15, Đường Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	(84-28) 3528 7900 Fax: (84-28) 3620 4400
Lĩnh vực hoạt động chính:	Huy động vốn, tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, và các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HUỲNH TUẤN KHÁNH

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

KIM DAEJIN
Giám đốc Phòng Dịch vụ Chứng khoán

PHỤ LỤC 4. MỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM ĐỐI VỚI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ HOẶC TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ

STT	Tên tổ chức xếp hạng tín nhiệm	Mức xếp hạng tín nhiệm	Ý nghĩa của mức xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu hoặc tổ chức phát hành trái phiếu
1	Moody's Ratings	Aaa	Có khả năng cao nhất trong việc thực hiện các cam kết tài chính và rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức thấp nhất
		Aa1	Có khả năng rất cao trong việc thực hiện các cam kết tài chính và rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức rất thấp
		Aa2	
		Aa3	
		A1	Có khả năng trung bình cao trong việc thực hiện các cam kết tài chính và rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức thấp
		A2	
		A3	
		Baa1	Có rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức trung bình và có thể có tính chất đầu cơ
		Baa2	
		Baa3	
		Ba1	Có yếu tố đầu cơ và rủi ro tín dụng đáng kể
2	S&P Global Ratings	AAA	Có khả năng cao nhất trong việc thực hiện các cam kết tài chính
		AA+	Có khả năng rất cao trong việc thực hiện các cam kết tài chính
		AA	
		AA−	
		A+	Có khả năng cao trong việc thực hiện các cam kết tài chính nhưng có thể bị ảnh hưởng bởi điều kiện kinh tế và hoàn cảnh biến động
		A	
		A-	
		BBB+	Có đủ khả năng thực hiện các cam kết tài chính nhưng dễ bị ảnh hưởng bởi điều kiện kinh tế bất lợi
		BBB	
		BBB-	
		BB+	Ít bị tổn thương trong ngắn hạn nhưng phải đối mặt với những bất ổn lớn đang diễn ra do điều kiện kinh doanh, tài chính và kinh tế bất lợi
3	Fitch Ratings	AAA	Có rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức thấp nhất và chất lượng tín dụng ở mức cực kỳ cao
		AA+	
		AA	
		AA−	Có rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức rất thấp và chất lượng tín dụng ở mức rất cao
		A+	Có rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức thấp và chất lượng tín dụng ở mức cao, tuy nhiên có thể bị ảnh hưởng bởi điều kiện kinh tế bất lợi
		A	
		A-	
		BBB+	Có rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ hiện ở mức thấp và có đủ năng lực đáp ứng nghĩa vụ tài chính, nhưng dễ bị ảnh hưởng bởi điều kiện kinh tế bất lợi
		BBB	
		BBB-	
		BB+	Dễ bị tổn thương do rủi ro vỡ nợ cao, đặc biệt khi có những thay đổi bất lợi về điều kiện kinh doanh hoặc kinh tế theo thời gian, tuy nhiên vẫn có sự linh hoạt về kinh doanh hoặc tài chính để hỗ trợ việc thực hiện các cam kết tài chính
4	Công ty Cổ phần FiinRatings	AAA	Năng lực đáp ứng nghĩa vụ tài chính tốt nhất
		AA+	Năng lực đáp ứng nghĩa vụ tài chính rất tốt
		AA	
		AA−	
5	Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam	AAA	Có mức độ tín nhiệm cao nhất so với các tổ chức và giao dịch khác trong nước
		AA+	

STT	Tên tổ chức xếp hạng tín nhiệm	Mức xếp hạng tín nhiệm	Ý nghĩa của mức xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu hoặc tổ chức phát hành trái phiếu
		AA	Có mức độ tín nhiệm rất cao so với các tổ chức và giao dịch khác trong nước
		AA-	
6	Công ty Cổ phần Sài Gòn Phát Thịnh Ratings	vnAAA	Có khả năng rất cao trong việc thực hiện các cam kết tài chính
		vnAA+	Có khả năng cao trong việc thực hiện các cam kết tài chính
		vnAA	
		vnAA-	
7	Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm S&I	AAA	Có rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức thấp nhất và chất lượng tín dụng ở mức cực kỳ cao
		AA+	Có rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức rất thấp và chất lượng tín dụng ở mức rất cao
		AA	
		AA-	
8	Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh	AAA	Có khả năng cao nhất trong việc đáp ứng các cam kết về nghĩa vụ tài chính (đối với trái phiếu)
			Có khả năng rất cao trong việc đáp ứng các cam kết về nghĩa vụ tài chính (đối với tổ chức phát hành)
		AA+	Có khả năng rất cao trong việc đáp ứng các cam kết về nghĩa vụ tài chính (đối với trái phiếu)
		AA	
		AA-	Có khả năng cao trong việc đáp ứng các cam kết về nghĩa vụ tài chính (đối với tổ chức phát hành)
9	Các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm khác được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	Mức xếp hạng tương ứng với năng lực đáp ứng nghĩa vụ tài chính từ rất tốt trở lên hoặc mức độ tín nhiệm từ rất cao trở lên so với các tổ chức và giao dịch khác trong nước hoặc có khả năng cao trở lên trong việc thực hiện các cam kết tài chính hoặc có rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức rất thấp đến thấp nhất và chất lượng tín dụng ở mức rất cao trở lên hoặc có khả năng rất cao đến cao nhất (đối với trái phiếu)/cao đến rất cao (đối với tổ chức phát hành) trong việc đáp ứng các cam kết về nghĩa vụ tài chính.	